

Số: 425/2026/BC-VAB
No: 425/2026/BC-VAB

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026
Hanoi, 29.04.2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG NĂM 2025
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE IN 2025

Kính gửi/ Respectfully
submitted to:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/State Securities Commission of Vietnam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh Stock Exchange

Tên công ty/Company Name: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á/VIETNAM ASIA COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**

- Địa chỉ trụ sở chính/Head Office Address: Tầng 4 - 5 Tòa nhà Samsora, 105 Chu Văn An, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội./4th - 5th Floor, Samsora Building, 105 Chu Van An, Yet Kieu Ward, Ha Dong District, Hanoi City.

- Điện thoại/Phone Number: 02439.333.636 Fax: 02439.336.426

- Vốn điều lệ/Charter Capital: **8.163.606.720.000 đồng** (Bằng chữ: Tám nghìn một trăm sáu mươi ba tỷ sáu trăm linh sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng)/VND **8.163.606.720.000** (In words: Eight trillion, one hundred sixty-three billion, six hundred and six million, seven hundred and twenty thousand Vietnamese dong).

- Mã chứng khoán/Stock Code: VAB.

- Mô hình quản trị công ty/Corporate Governance Model: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, and General Director.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ/Internal Audit Function Implementation: Đã thực hiện/Completed.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/ Activities of the General Meeting of Shareholders.

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 của Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) được tổ chức ngày 26/4/2025 tại Thành phố Hà Nội; Đại hội đã thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Báo cáo của Ban Kiểm soát (BKS), 15 Tờ trình thuộc thẩm quyền HĐQT, bầu bổ sung 02 (hai) Thành viên HĐQT và ban hành Nghị quyết sau:/The 2025 Annual General Meeting of Shareholders of Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank (VAB) was held on 26 April 2025 in Hanoi City; the Meeting approved the Report of the Board of Directors, the Report of the Board of Supervisors, fifteen (15) proposals within the



authority of the General Meeting of Shareholders, elected an additional two (02) members of the Board of Directors, and issued the following Resolution:

STT/ No.	Số hiệu/ Resolution/ Decision No.	Ngày/ Date	Nội dung/ Content
01	02/2025/NQ-ĐHĐCĐ	26/4/2025	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á phiên họp thường niên năm 2025./ Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank.

VAB không thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong năm 2025.

In 2025, VAB did not conduct the collection of shareholders' opinions in writing.

II. Hội đồng Quản trị/Board of Directors

1. Thông tin về Thành viên Hội đồng Quản trị/Information about the members of the Board of Directors

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của VAB ngày 26/4/2025 đã bầu bổ sung 02 (hai) Thành viên HĐQT (trong đó có một Thành viên độc lập) theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2025 của ĐHĐCĐ 2025. Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 của VAB có 07 (bảy) thành viên, trong đó có 02 (hai) thành viên độc lập, bao gồm: / At the Annual General Meeting of Shareholders of Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank (VAB) held on 26 April 2025, two (02) additional members of the Board of Directors (including one (01) Independent Member) were elected in accordance with Resolution No. 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated 26 April 2025. Accordingly, the Board of Directors of VAB for the 2023–2028 term consists of seven (07) members, including two (02) Independent Members, as follows:

STT/ No.	Thành viên HĐQT/ Members of the Board of Directors	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/Thành viên độc lập HĐQT The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm/ Date of appointment	Ngày miễn nhiệm/ Date of dismissal
1	Ông/Mr. Phương Thành Long	Chủ tịch/ Chairman	Được bầu lại từ ngày 28/4/2023/ Re-elected effective from 28/4/2023	-
2	Ông/Mr. Phan Văn Tới	Phó Chủ tịch/Vice-Chairman	Được bầu lại từ ngày 28/4/2023/ Re-elected effective from 28/4/2023	-

STT/ No.	Thành viên HĐQT/ Members of the Board of Directors	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/Thành viên độc lập HĐQT The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm/ Date of appointment	Ngày miễn nhiệm/ Date of dismissal
3	Ông/Mr. Trần Tiến Dũng	Thành viên/ Member	Được bầu lại từ ngày 28/4/2023/ Re-elected effective from 28/4/2023	-
4	Ông/Mr. Nguyễn Hồng Hải	Thành viên/ Member	Được bầu lại từ ngày 28/4/2023/ Re-elected effective from 28/4/2023	-
5	Ông/Mr. Lê Hồng Phương	TV độc lập/ Independent Member	Được bầu từ ngày 28/4/2023/ Elected effective from 28/4/2023	-
6	Ông/Mr. Nguyễn Văn Trọng	Thành viên/ Member	Được bầu từ ngày 26/4/2025/ Elected effective from 26/4/2023	-
7	Ông/Mr. Thái Nguyễn Hoàng Nhã	TV độc lập/ Independent Member	Được bầu từ ngày 26/4/2025/ Elected effective from 26/4/2025	-

2. Các cuộc họp của HĐQT/Meetings of the Board of Directors

Năm 2025, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ hàng quý, 12 phiên họp giao ban tháng, 26 phiên họp đột xuất phê duyệt, chỉ đạo các nội dung liên quan đến các hoạt động của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT./In 2025, the Board of Directors held four (04) quarterly regular meetings, twelve (12) monthly briefing meetings, and twenty-six (26) extraordinary meetings to approve and direct matters relating to the Bank's operations within the authority of the Board of Directors.

TT/ No.	Thành viên HĐQT/ Board of Director'	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of meetings attended	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
1	Ông/Mr. Phương Thành Long	42/42	100%	-
2	Ông/Mr. Phan Văn Tới	42/42	100%	-
3	Ông/Mr. Trần Tiến Dũng	42/42	100%	-

TT/ No.	Thành viên HĐQT/ Board of Director'	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of meetings attended	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
4	Ông/Mr. Nguyễn Hồng Hải	42/42	100%	-
5	Ông/Mr. Lê Hồng Phương	42/42	100%	-
6	Ông/Mr. Nguyễn Văn Trọng	27/27	100%	Tham dự các cuộc họp sau khi được bầu là Thành viên HĐQT từ ngày 26/4/2025/ <i>Attended meetings after being elected as a Member of the Board of Directors effective from 26 April 2025.</i>
7	Ông/Mr. Thái Nguyễn Hoàng Nhã	27/27	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc/ *Supervising the Board of Management by the Board of Directors.*

- Hội đồng Quản trị giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua các cuộc họp giao ban hàng tháng, họp định kỳ hàng quý của HĐQT và có ý kiến đánh giá, chỉ đạo sát sao đối với các hoạt động của Ngân hàng./*The Board of Directors supervises the operations of the Board of Management through monthly briefing meetings and quarterly regular meetings of the Board of Directors, and provides timely assessments and close guidance on the Bank's operations.*
- Trên cơ sở hoạt động thực tiễn của Ngân hàng, HĐQT thường xuyên có văn bản chỉ đạo hoặc triệu tập các cuộc họp với Ban Tổng Giám đốc để chỉ đạo, định hướng cho Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động kinh doanh./*Based on the Bank's actual operations, the Board of Directors regularly issues written directives or convenes meetings with the Board of Management to provide guidance and orientation for the Board of Management in business operations.*
- Hội đồng Quản trị triển khai các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua như sau/*The Board of Directors implemented the matters approved by the 2025 Annual General Meeting of Shareholders as follows:*
 - Niêm yết chứng khoán VAB tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 22/7/2025 (Quyết định số 514/QĐ-SGDHCM v/v chấp thuận niêm yết cổ phiếu đối với Ngân hàng TMCP Việt Á, thông báo số 1268/TB-SGDHCM v/v niêm yết và ngày giao dịch đầu tiên)/*Listing of VAB securities on the Ho Chi*

Minh City Stock Exchange effective from 22 July 2025 (Decision No. 514/QĐ-SGDHCM on the approval of the listing of shares of Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank; Notice No. 1268/TB-SGDHCM on the listing and the first trading date);

- *Triển khai tăng vốn điều lệ theo tờ trình số 106/2025/TTr-HĐQT ngày 05/4/2025/ Implemented the increase of charter capital in accordance with Proposal No. 106/2025/TTr-HĐQT dated 05 April 2025:*

+ Hoàn thành tăng vốn điều lệ Đợt 1 năm 2025 theo Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu; đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) chấp thuận thay đổi mức vốn điều lệ lên 8.163.606.720.000 đồng trên Giấy phép hoạt động theo văn bản số 3186/QĐ-NHNN ngày 18/9/2025; và giao dịch chứng khoán thay đổi niêm yết từ ngày 06/10/2025 (số lượng chứng khoán niêm yết là 816.360.672 cổ phiếu - tăng 276.400.629 cổ phiếu)./ Completion of the first phase of charter capital increase in 2025 under the share issuance plan to increase charter capital from owners' equity; the State Bank of Vietnam (SBV) approved the change of charter capital to VND 8.163.606.720.000 in the Operating License pursuant to Decision No. 3186/QĐ-NHNN dated 18 September 2025; and the securities trading reflected the change in listed shares effective from 06 October 2025 (the number of listed shares is 816.360.672 shares, an increase of 276.400.629 shares).

+ VAB đã được NHNN chấp thuận kế hoạch tăng vốn điều lệ đợt 2 năm 2025 – tối đa tăng thêm 3.331.768.250.000 đồng thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) và phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu (mục tiêu vốn điều lệ đạt 11.495 tỷ đồng) tại văn bản số 9108/NHNN-QLGS ngày 17/10/2025 và đang thực hiện thủ tục đề nghị UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng./VAB has obtained approval from the State Bank of Vietnam (SBV) for the plan to implement the second phase of the 2025 charter capital increase, with a maximum increase of VND 3.331.768.250.000 through the share issuance plan under the Employee Stock Ownership Program (ESOP) and the offering of shares to existing shareholders (targeted charter capital of VND 11.495 billion), pursuant to Document No. 9108/NHNN-QLGS dated 17 October 2025, and is currently completing the procedures to request the State Securities Commission of Vietnam (SSC) to issue the Certificate of Registration for Public Offering of Shares.

- *Niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng: VAB đã phát hành thành công 6.916.305 trái phiếu ra công chúng với tổng giá trị theo mệnh giá là 691.630.500.000 đồng (đạt 69,16% kế hoạch), tính đến ngày 31/12/2025 đã niêm yết 5.994.070 trái phiếu (đợt 1 và đợt 2) và triển khai thủ tục niêm yết 922.235 trái phiếu phát hành đợt 3./ Listing of publicly offered bonds: VAB successfully issued 6.916.305 bonds to the public with a total par value of VND 691.630.500.000 (representing 69,16% of the planned volume); listed 5.994.070 bonds (Tranches 1 and 2); and is carrying out procedures for the listing of 922.235 bonds issued in Tranche 3.*

- Thông qua các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc, HĐQT giám sát, chỉ đạo Ban Điều hành (BDH) đối với các hoạt động trọng yếu như: chiến lược kinh doanh, phát triển nguồn nhân lực, định hướng phát triển tín dụng và công tác xử lý nợ./Through its committees and subordinate councils, the Board of Directors supervises and directs the Board of Management in respect of key activities such as business strategy, human resource development, credit development orientation, and debt resolution.

4. Hoạt động của các Ủy ban, Hội đồng thuộc HĐQT/Activities of the Board of Directors' subcommittees

Ngân hàng TMCP Việt Á duy trì các hoạt động của Ủy ban, Hội đồng theo chuyên môn chức năng quản lý và giám sát hoạt động an toàn cho ngân hàng./Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank maintains the operations of its committees and councils in accordance with their respective professional functions in management and supervision to ensure the Bank's safe operations.

Các Ủy ban của HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định nhằm giúp HĐQT tăng cường chức năng quản lý, giám sát hoạt động của Ngân hàng./The Board of Directors' committees hold regular meetings in accordance with regulations to assist the Board of Directors in strengthening its management and oversight of the Bank's operations.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/Resolutions/Decisions of the Board of Directors.

Năm 2025, HĐQT xem xét phê duyệt, thông qua các tờ trình của Tổng Giám đốc/Ủy ban/Hội đồng trực thuộc và đã ban hành một số văn bản liên quan đến nhiều nội dung khác nhau như sau:/In 2025, the Board of Directors reviewed, approved, and passed proposals submitted by the General Director/its committees/subordinate councils, and issued a number of documents relating to various matters, as follows:

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định/ Resolution/Decision No.	Ngày ban hành/ Issued Date	Nội dung/Trích yếu/Content	Tỷ lệ thông qua/ Approval rate
1	02/2025/NQ-HĐQT	08/01/2025	Thông qua số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 dự kiến được bầu bổ sung và tài liệu thông báo cổ đông thực hiện quyền ứng cử, đề cử nhân sự dự kiến/Approved the number of additional members of the Board of Directors for the 2023–2028 term to be elected, and the documents notifying shareholders of the exercise of their rights to nominate and propose candidates for the expected election.	100%
2	05/2025/NQ-HĐQT	09/01/2025	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc VAB và giải quyết nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân đối với ông Phạm Linh/Dismissed the position of Deputy General Director of VAB and approved the termination of	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định/ <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày ban hành/ <i>Issued Date</i>	Nội dung/Trích yếu/ <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua/ <i>Approval rate</i>
			<i>employment in accordance with personal request in respect of Mr. Pham Linh.</i>	
3	09/2025/NQ-HĐQT	11/01/2025	Phân công, phân nhiệm về công tác quản trị, giám sát hoạt động Ngân hàng của HĐQT/ <i>Assigned and allocated responsibilities relating to corporate governance and supervision of the Bank's operations among members of the Board of Directors.</i>	100%
4	27/2025/NQ-HĐQT	17/01/2025	Nghị quyết phiên họp HĐQT kỳ họp Quý 4/2024/ <i>Issued the Resolution of the Board of Directors' meeting for the fourth quarter of 2024.</i>	100%
5	40/2025/NQ-HĐQT	13/02/2025	Phê duyệt phương án phát hành Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng TMCP Việt Á Năm 2025 – Đợt 1/ <i>Approved the plan for the issuance of Certificates of Deposit of Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank in 2025 – Phase 1.</i>	100%
6	54/2025/NQ-HĐQT	24/02/2025	Ban hành Quy chế bảo đảm cấp tín dụng tại VAB/ <i>Issued the Regulations on Credit Granting Security at VAB.</i>	100%
7	63/2025/NQ-HĐQT	05/3/2025	Phê duyệt địa điểm và thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025/ <i>Approved the venue and time for the organization of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%
8	64/2025/NQ-HĐQT	05/3/2025	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025/ <i>Approved the record date for determining shareholders entitled to attend the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%
9	66/2025/NQ-HĐQT	06/3/2025	Ban hành Quy chế đầu tư tại VAB/ <i>Issued the Investment Regulations of VAB.</i>	100%
10	75/2025/NQ-HĐQT	18/3/2025	Phê duyệt chủ trương đầu tư giải pháp Omni Channel tại VAB/ <i>Approved the investment policy for the implementation of the Omni Channel solution at VAB.</i>	100%
11	94/2025/NQ-HĐQT	01/4/2025	Ban hành Quy chế Bảo lãnh của VAB/ <i>Issued the Guarantee Regulations of VAB.</i>	100%
12	97/2025/TB-HĐQT	04/4/2025	Thay đổi Chi nhánh quản lý Phòng giao dịch Cầu Giấy/ <i>Approved the</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định/ <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày ban hành/ <i>Issued Date</i>	Nội dung/Trích yếu/ <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua/ <i>Approval rate</i>
			<i>change of the managing branch for Cau Giay Transaction Office.</i>	
13	100/2025/NQ-HĐQT	05/4/2025	Thông qua chương trình, nội dung, tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025/ <i>Approved the agenda, contents, and meeting documents of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%
14	115/2025/NQ-HĐQT	09/4/2025	Phê duyệt phương án phát hành Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng TMCP Việt Á Năm 2025 – Đợt 2/ <i>Approved the plan for the issuance of Certificates of Deposit of Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank in 2025 – Phase 2</i>	100%
15	119/2025/NQ-HĐQT	11/4/2025	Nghị quyết phiên họp HĐQT kỳ họp Quý 1/2025/ <i>Issued the Resolution of the Board of Directors' meeting for the first quarter of 2025.</i>	100%
16	120/2025/NQ-HĐQT	17/4/2025	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Á/ <i>Appointed the General Director of Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank.</i>	100%
17	130/2025/NQ-HĐQT	17/4/2025	Ban hành Quy chế quản lý mạng lưới hoạt động của VAB/ <i>Issued the Regulations on Management of VAB's Operating Network.</i>	100%
18	134/2025/NQ-HĐQT	18/4/2025	Phương án phát hành, phương án sử dụng vốn và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán, đăng ký và niêm yết Trái phiếu VAB phát hành ra công chúng/ <i>Approved the issuance plan, the plan for use of proceeds and repayment of funds raised from the public bond offering, and the registration and listing of VAB bonds offered to the public.</i>	100%
19	135/2025/NQ-HĐQT	18/4/2025	Phê duyệt Báo cáo thường niên VietABank năm 2024/ <i>Approved VietABank's 2024 Annual Report.</i>	100%
20	136/2025/NQ-HĐQT	19/4/2025	Thông qua thành lập Ban Thẩm tra tư cách cổ đông tại ĐHĐCĐ năm 2025/ <i>Approved the establishment of the Shareholders' Eligibility Verification Committee at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định/ <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày ban hành/ <i>Issued Date</i>	Nội dung/Trích yếu/ <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua/ <i>Approval rate</i>
21	138/2025/NQ-HĐQT	21/4/2025	Thông qua việc triển khai niêm yết cổ phiếu của VAB tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE)/ <i>Approved the implementation of the listing of VAB shares on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE).</i>	100%
22	141/2025/NQ-HĐQT	23/4/2025	Thông qua hồ sơ niêm yết cổ phiếu của VAB tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM (HOSE)/ <i>Approved the dossier for the listing of VAB shares on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE).</i>	100%
23	150/2025/NQ-HĐQT	06/5/2025	Ban hành Quy chế mua sắm tại VAB/ <i>Issued the Procurement Regulations of VAB.</i>	100%
24	151/2025/NQ-HĐQT	08/5/2025	Ban hành Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT tại VAB/ <i>Issued the Charter, the Internal Corporate Governance Regulations, and the Regulations on the organization and operation of the Board of Directors of VAB.</i>	100%
25	157/2025/NQ-HĐQT	09/5/2025	Phê duyệt phương pháp tính giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu VAB tại HOSE/ <i>Approved the method for determining the reference price on the first trading day of VAB shares on HOSE.</i>	100%
26	159/2025/NQ-HĐQT	14/5/2025	Điều chỉnh phân công, phân nhiệm công tác quản trị, giám sát hoạt động ngân hàng/ <i>Adjusted the assignment and allocation of responsibilities relating to corporate governance and supervision of the Bank's operations.</i>	100%
27	161/2025/NQ-HĐQT	15/5/2025	Phê duyệt hồ sơ đăng ký chào bán Trái phiếu VAB phát hành ra công chúng/ <i>Approved the registration dossier for the public offering of VAB bonds.</i>	100%
29	166/2025/NQ-HĐQT	20/5/2025	Ban hành Quy chế đánh giá nhân sự định kỳ tại Ngân hàng TMCP Việt Á/ <i>Issued the Regulations on Periodic Personnel Evaluation at Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank.</i>	100%
30	171/2025/NQ-HĐQT	26/5/2025	Triển khai tăng vốn điều lệ Đợt 1 năm 2025 của VAB theo Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu/ <i>Implemented</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định/ Resolution/Decision No.	Ngày ban hành/ Issued Date	Nội dung/Trích yếu/Content	Tỷ lệ thông qua/ Approval rate
			<i>the first phase of the 2025 charter capital increase of VAB in accordance with the share issuance plan to increase charter capital from owners' equity.</i>	
31	172/2025/NQ-HĐQT	29/5/2025	Phê duyệt nâng hạn mức thẻ tín dụng đối với ông Nguyễn Văn Thành - Thành viên BKS/ <i>Approved the increase of the credit card limit for Mr. Nguyen Van Thanh – Member of the Supervisory Board.</i>	100%
32	177/2025/NQ-HĐQT	09/6/2025	Phê duyệt sửa đổi, cập nhật bổ sung thông tin Phụ lục số 01,02,03 đính kèm Phương án tăng vốn điều lệ Đợt 1 năm 2025 của Ngân hàng TMCP Việt Á/ <i>Approved the amendments and updates to the information in Appendices No. 01, 02, and 03 attached to the plan for the first phase of the 2025 charter capital increase of Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank.</i>	100%
33	178/2025/NQ-HĐQT	13/6/2025	Phê duyệt phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024/ <i>Approved the proposed remedial plan in the event of early intervention in accordance with the Law on Credit Institutions 2024.</i>	100%
34	181/2025/NQ-HĐQT	20/6/2025	Phê duyệt chủ trương Ngân sách và mẫu thiết kế đồng phục CBNV năm 2025/ <i>Approved the budget policy and the uniform design template for employees for 2025.</i>	100%
35	192/2025/NQ-HĐQT	01/7/2025	Triển khai hủy đăng ký giao dịch Cổ phiếu VAB trên Upcom, đăng ký ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE/ <i>Implemented the cancellation of the registration for trading of VAB shares on UPCoM and the registration of the first trading day on HOSE.</i>	100%
36	202/2025/NQ-HĐQT	09/7/2025	Sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ VAB/ <i>Amended and supplemented the Internal Expenditure Regulations of VAB.</i>	100%
37	204A/2025/NQ-HĐQT	16/7/2025	Nghị quyết phiên họp HĐQT kỳ họp Quý 2/2025/ <i>Issued the Resolution of the Board of Directors' meeting for</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định/ Resolution/Decision No.	Ngày ban hành/ Issued Date	Nội dung/Trích yếu/Content	Tỷ lệ thông qua/ Approval rate
			the second quarter of 2025.	
38	217/2025/NQ-HĐQT	30/7/2025	Bổ sung nội dung hoạt động “Giao đại lý thanh toán” vào giấy phép hoạt động của VAB/Approved the addition of the activity “Payment Agency Services” to VAB’s Operating License.	100%
39	218/2025/NQ-HĐQT	30/7/2025	Bổ sung nội dung hoạt động “Đại lý trong hoạt động ngân hàng” vào giấy phép hoạt động của VAB/Approved the addition of the activity “Agency Services in Banking Operations” to VAB’s Operating License.	100%
40	224/2025/NQ-HĐQT	21/8/2025	Thông qua kết quả phát hành và kết thúc đợt phát hành Cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/Approved the results of the share issuance and the completion of the share issuance to increase charter capital from owners’ equity.	100%
41	229/2025/QĐ-HĐQT	29/8/2025	Sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Á/Amended the Regulations on the organization and operation of Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank.	100%
42	241/2025/NQ-HĐQT	22/9/2025	Nghị quyết thông qua Phương án tăng vốn điều lệ đợt 2/Issued the Resolution approving the plan for the second phase of the charter capital increase.	100%
43	244/2025/QĐ-HĐQT	23/9/2025	Thành phần Hội đồng xử lý nợ Ngân hàng TMCP Việt Á/Approved the composition of the Debt Resolution Council of Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank.	100%
44	247/2025/QĐ-HĐQT	26/9/2025	Ban hành Quy chế Dân chủ ở cơ sở tại Ngân hàng TMCP Việt Á/Issued the Regulations on Grassroots Democracy at Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank.	100%
45	251A/2025/QĐ-HĐQT	27/9/2025	Ban hành Quy chế cấp bậc chức danh công việc VAB/Issued the Regulations on Job Title Grading at VAB.	100%
46	254/2025/NQ-HĐQT	29/9/2025	Phê duyệt chủ trương phát hành trái phiếu riêng lẻ Ngân hàng TMCP Việt Á năm 2025/Approved the policy for the private placement of bonds of Vietnam Asia Commercial Joint Stock	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định/ Resolution/Decision No.	Ngày ban hành/ Issued Date	Nội dung/Trích yếu/Content	Tỷ lệ thông qua/ Approval rate
			Bank in 2025.	
47	263/2025/QĐ-HĐQT	06/10/2025	Bổ nhiệm lại Ông Bùi Xuân Dũng giữ chức vụ Phó TGD – VAB/Re- appointed Mr. Bui Xuan Dung to the position of Deputy General Director of VAB.	100%
48	264/2025/NQ-HĐQT	08/10/2025	Phê duyệt chủ trương tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBNV năm 2025/Approved the policy for organizing periodic health check-ups for employees in 2025.	100%
49	267/2025/NQ-HĐQT	10/10/2025	Ban hành Quy chế về chế độ tài chính đối với Ngân hàng TMCP Việt Á/Issued the Regulations on the financial regime applicable to Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank.	100%
50	271/2025/NQ-HĐQT	18/10/2025	Nghị quyết phiên họp HĐQT kỳ họp Quý 3/2025/Issued the Resolution of the Board of Directors' meeting for the third quarter of 2025.	100%
51	284/2025/NQ-HĐQT	31/10/2025	Thông qua kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tại VAB (ESOP)/Approved the plan for the use of proceeds from the share offering to existing shareholders and the share issuance under the Employee Stock Ownership Program (ESOP) at VAB.	100%
52	285/2025/NQ-HĐQT	31/10/2025	Thông qua danh sách người lao động được phân phối cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tại VAB năm 2025/Approved the list of employees entitled to receive shares under the Employee Stock Ownership Program (ESOP) of VAB in 2025.	100%
53	293/2025/NQ-HĐQT	07/11/2025	Phê duyệt cấp bảo lãnh cho Công ty CP Tập đoàn đầu tư Việt Phương/Approved the provision of a guarantee to Viet Phuong Investment Group Joint Stock Company.	100%
54	303/2025/NQ-HĐQT	21/11/2025	Triển khai mô hình Phòng Giao dịch thông minh (VAB Smart Banking)/Implemented the VAB Smart Banking (Smart Transaction Office)	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định/ <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày ban hành/ <i>Issued Date</i>	Nội dung/Trích yếu/ <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua/ <i>Approval rate</i>
			model.	
55	307/2025/NQ-HĐQT	09/12/2025	Phê duyệt phương án mua lại trước hạn trái phiếu phát hành riêng lẻ Ngân hàng TMCP Việt Á – mã VAB12401 (VABLH2431002)/ <i>Approved the plan for the early redemption of privately placed bonds of Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank – bond code VAB12401 (VABLH2431002).</i>	100%
56	314/2025/NQ-HĐQT	22/12/2025	Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu của Ngân hàng TMCP Việt Á/ <i>Approved the dossier for the share offering to existing shareholders of Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank.</i>	100%
57	319B/2025/QĐ-HĐQT	25/12/2025	Sửa đổi, bổ sung Quy chế cấp bậc, chức danh công việc Ngân hàng TMCP Việt Á/ <i>Amendment and supplementation of the Regulations on job grades and positions of Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank</i>	100%
58	319D/2025/QĐ-HĐQT	25/12/2025	Ban hành quy chế tiền lương của Ngân hàng TMCP Việt Á/ <i>Promulgation of the Salary Regulations of Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank</i>	100%
59	322/2025/NQ-HĐQT	30/12/2025	Phê duyệt chính sách bảo hiểm tai nạn và chăm sóc sức khỏe dành cho CBNV và người thân năm 2026/ <i>Approved the accident insurance and healthcare policy for employees and their relatives for 2026.</i>	100%
60	323/2025/NQ-HĐQT	30/12/2025	Thông qua giao dịch, ký kết hợp đồng/ phụ lục hợp đồng bảo hiểm tai nạn và chăm sóc sức khỏe năm 2026 với Tổng công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương/ <i>Approved the transactions and the execution of contracts / contract appendices for accident insurance and healthcare in 2026 with Hung Vuong Insurance Joint Stock Corporation.</i>	100%

III. Ban Kiểm soát/ *Board of Supervisors*

1. Thông tin về Thành viên Ban Kiểm soát/ *Information about the members of the Board of Supervisors*

Ban Kiểm soát VAB nhiệm kỳ 2023-2028 có 03 (ba) Thành viên, bao gồm/ *Members of the Board of Supervisors has 03 (three) members for the 2023 – 2028 term:*

STT/ No.	Thành viên BKS/ <i>Members</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS/ <i>Start/End Date of Membership</i>	Trình độ chuyên môn/ <i>Educational Background</i>
1	Bà Nguyễn Kim Phượng/ <i>Mrs. Nguyen Kim Phuong</i>	Trưởng BKS/ <i>Head of the Board of Supervisors</i>	Được bầu lại là Trưởng BKS từ ngày 28/4/2023/ <i>Re-elected as Head of the Board of Supervisors from April 28, 2023</i>	Cử nhân kinh tế/ <i>Bachelor of Economics</i>
2	Ông Nguyễn Văn Thành/ <i>Mr. Nguyen Van Thanh</i>	Thành viên BKS/ <i>Member</i>	Được bầu là Thành viên BKS từ ngày 28/4/2023/ <i>Elected as a member of the Board of Supervisors from April 28, 2023</i>	Cử nhân kinh tế/ <i>Bachelor of Economics</i>
3	Ông Trần Ngọc Hải/ <i>Mr. Tran Ngoc Hai</i>	Thành viên BKS/ <i>Member</i>	Được bầu là Thành viên BKS từ ngày 26/4/2024/ <i>Elected as a member of the Board of Supervisors from April 26, 2024</i>	Thạc sĩ kinh tế/ <i>Master of Economics</i>

2. Cuộc họp của BKS/ *Meetings of the Board of Supervisors*

STT/ No.	Thành viên BKS/ <i>Members</i>	Số buổi họp tham dự/ <i>Number of Meetings Attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance Rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết/ <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reason for Non-attendance</i>
01	Bà Nguyễn Kim Phượng/ <i>Mrs. Nguyen Kim Phuong</i>	04/04	100%	100%	
02	Ông Nguyễn Văn Thành/ <i>Mr. Nguyen Van Thanh</i>	04/04	100%	100%	
03	Ông Trần Ngọc Hải/ <i>Mr. Tran Ngoc Hai</i>	04/04	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BDH và cổ đông/ *The Board of Supervisors' monitoring activities over the Board of Directors, Board of Management, and Shareholders.*

- Ban Kiểm soát tổ chức giám sát thường xuyên và kiểm soát định kỳ các hoạt động của HĐQT, hoạt động kinh doanh của BDH, thực hiện soát xét, thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, năm báo cáo ĐHCĐ thường niên. Tham gia, có ý kiến và kiến/khuyến nghị đến HĐQT, BDH tại các cuộc họp của HĐQT, có báo cáo về tình hình giám sát hoạt động Ngân hàng tại các cuộc họp HĐQT định kỳ/ *The Board of Supervisors regularly and periodically monitors the Board of Directors' activities as well as the Board of Management's business operations. It reads and evaluates quarterly financial reports as well as reports from the Board of Directors. The Board*

of Supervisors attends Board of Directors and Board of Management meetings and provides comments, recommendations, and proposals, as well as updates on the Bank's operational monitoring.

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ ngân hàng trong việc quản trị, điều hành hoạt động ngân hàng/*Supervising compliance with laws, regulations of the State Bank of Vietnam, and the Bank's Charter in the management and operation of the Bank's activities.*
- Thường xuyên giám sát hoạt động của BDH/*Continuously monitoring the activities of the Board of Management.*
- Chỉ đạo hoạt động của Phòng Kiểm toán nội bộ để rà soát, đánh giá một cách độc lập khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ/*Directing the activities of the Internal Audit Department to conduct independent and objective reviews and assessments of the internal control system.*
- Theo dõi, cập nhật tình hình chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông trên sàn Upcom hàng quý thông qua Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC). Từ khi cổ phiếu VAB niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE), Ban Kiểm soát theo dõi tình hình sở hữu cổ phần thông qua Danh sách cổ đông do VSDC cung cấp; kiểm soát và hỗ trợ các cổ đông thay đổi thông tin cổ đông/cấp lại Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần và các vấn đề liên quan đến cổ đông, cổ phần./*Monitoring and regularly updating, on a quarterly basis, information on share transfers of shareholders on the UPCoM market through the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC). Since VAB's shares were listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange (HOSE), the Board of Supervisors has monitored share ownership based on the shareholder lists provided by VSDC, and has supervised and supported shareholders in updating shareholder information, reissuing share ownership certificates, and handling other matters related to shareholders and shares.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, BDH và các cán bộ quản lý khác/Coordination between the Board of Supervisors and the activities of the Board of Directors, Board of Management, and other managers.

- Tham gia ý kiến đối với một số quy định trong nội bộ VAB như: Quy chế bảo đảm cấp tín dụng, Quy chế Bảo lãnh, Quy chế quản lý mạng lưới hoạt động, Quy chế tổ chức và hoạt động của VAB, Quy chế đầu tư, Quy chế về chế độ tài chính VAB, Quy chế đánh giá nhân sự định kỳ, và nhiều quy định nội bộ khác/*Providing opinions and recommendations on various internal regulations of VAB, including but not limited to the Regulation on Credit Security, the Regulation on Guarantees, the Regulation on Management of the Operating Network, the Regulation on the Organization and Operations of VAB, the Investment Regulation, the Regulation on VAB's Financial Regime, the Regulation on Periodic Personnel Evaluation, and other internal regulations.*
- Tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá các tồn tại, hạn chế được tổng hợp từ các đơn vị kinh doanh thông qua công tác kiểm toán nội bộ và hệ thống báo cáo định kỳ hàng quý, có báo cáo và kiến/khuyến nghị đến HĐQT và BDH./*Organizing inspections, reviews, and assessments of shortcomings and limitations consolidated from business units through internal audit activities and the quarterly periodic reporting system, and*

submitting reports together with comments and recommendations to the Board of Directors and the Board of Management.

IV. Ban Điều hành/Board of Management.

STT/ No.	Thành viên/Members	Ngày tháng năm sinh/Date of Birth	Trình độ chuyên môn/Educational Background	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm/ Appointment/Dismissal Date
1	Nguyễn Văn Trọng/Mr. Nguyen Van Trong		Thạc sĩ/Master's Degree	Bổ nhiệm/Appointed: 01/5/2020
2	Trần Tiến Dũng/Mr. Tran Tien Dung		Cử nhân/Bachelor's Degree	Bổ nhiệm/Appointed: 26/6/2018
3	Bùi Xuân Dũng/Mr. Bui Xuan Dung		Thạc sĩ/Master's Degree	Bổ nhiệm/Appointed: 07/10/2024
4	Phạm Linh/Mr. Pham Linh		Tiến sĩ/ Doctorate	Bổ nhiệm/Appointed: 05/6/2014; Miễn nhiệm/ Dismissed: 11/01/2025

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant.

Họ và tên/Full name	Ngày tháng năm sinh/Date of Birth	Trình độ chuyên môn/Educational Background	Ngày bổ nhiệm/Appointment Date
Nguyễn Thành Công/Mr. Nguyen Thanh Cong		Cử nhân/Bachelor's Degree	07/9/2021

VI. Đào tạo về quản trị công ty/Corporate Governance Training.

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/Corporate governance training programs attended by members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other managerial officers in accordance with corporate governance regulations:

- Không/None.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và giao dịch của người có liên quan của VAB với chính VAB. / The list of affiliated persons of the public company

1. Danh sách về người có liên quan của VAB (đính kèm Phụ lục 01)/ The list of affiliated persons of VAB (Appendix 01)

2. Giao dịch giữa VAB với người có liên quan của VAB; hoặc giữa VAB với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (đính kèm Phụ lục 02)/Transactions between VAB and its affiliated persons or between VAB and its major shareholders, internal persons and affiliated persons. (Appendix 02).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với

công ty con, công ty do VAB nắm quyền kiểm soát/*Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and VAB's subsidiaries in which VAB takes controlling power.*

- Không có/ *None.*

4. Giao dịch giữa VAB với các đối tượng khác/*Transactions between VAB and other objects.*

4.1. Giao dịch giữa VAB với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between VAB and companies that its members of the Board of Directors/Board of Supervisors or General Directors have been or are serving as founding members, members of the Board of Directors, or Directors (General Directors) within the past three (03) years (as of the reporting date).*

- Không có/*None.*

4.2. Giao dịch giữa VAB với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Transactions between VAB and companies in which affiliated persons of members of the Board of Directors/Board of Supervisors or General Directors who is also a member of the Board of Directors or Directors (General Directors) hold relevant interests.*

- Không có/*None.*

4.3. Các giao dịch khác của VAB (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành/*Other transactions of VAB (if any) that may give rise to material or non-material benefits for members of the Board of Directors/Board of Supervisors or General Directors.*

- Không có/*None.*

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ/*Transactions in shares of internal persons and affiliated persons of internal persons.*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (đính kèm Phụ lục 03)/*Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Appendix 03)*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của VAB/*Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of VAB.*

STT/ No.	Người thực hiện giao dịch/ <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ/ <i>Relationship with internal personal</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i> (thời điểm 01/01/2025/as at 01/01/2025)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i> (thời điểm 31/12/2025/as at 31/12/2025)		Lý do tăng, giảm/ <i>Reasons for increasing, decreasing</i>
			Số cổ phiếu/ <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ %/ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu/ <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ %/ <i>Percentage</i>	

1	Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Việt Phuong/Viet Phuong Investment Group Joint Stock Company	Ông Phương Thanh Long – Chủ tịch HĐQT VAB là cháu ruột của Chủ tịch HĐQT của Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Việt Phuong/Mr. Phuong Thanh Long – Chairman of the Board of Directors of VAB – is the nephew of the Chairman of the Board of Directors of Viet Phuong Investment Group Joint Stock Company.	65.913.130	12,21%	73.951.316	9,06%	Bán cổ phiếu giảm tỷ lệ sở hữu. Tăng số cổ phiếu do VAB tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Sale of shares resulting in a decrease in ownership ratio. Increase in the number of shares due to VAB's increase in charter capital from owners' equity
2	Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp – Thương Mại Củ Chi/Cu Chi Commercial & Industrial Developing Investment Joint Stock Company	Ông Phan Văn Tới – Phó Chủ tịch HĐQT VAB đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp – Thương Mại Củ Chi/Mr. Phan Van Toi – Vice Chairman of the Board of Directors of	6.467.319	1,19%	8.160.206	1,00%	Bán cổ phiếu giảm tỷ lệ sở hữu. Tăng số cổ phiếu do VAB tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Sale of shares resulting in a

		VAB – concurrently serves as Chairman of the Board of Directors of Cu Chi Industrial – Commercial Development Investment Joint Stock Company.					decrease in ownership ratio. Increase in the number of shares due to VAB's increase in charter capital from owners' equity.
--	--	---	--	--	--	--	---

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues

Không có/None.

Trân trọng báo cáo./Respectfully submitted./

Nơi nhận/Recipients:

- Như kính gửi/Respectfully submitted;
- Lưu VP, PC, HC/Archived Office of BoD, Legal Department, Administration Department.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF
DIRECTORS



PHƯƠNG THÀNH LONG

PHỤ LỤC 01/ APPENDIX 01

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA VAB/ THE LIST OF INTERNAL PERSONS OF VAB

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/in individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ <i>Position at VAB (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ <i>ID Number, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be an affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be an affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với VAB/ <i>Relationship with VAB</i>
I NGƯỜI NỘI BỘ CỦA VAB/THE INTERNAL PERSONS OF VAB									
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BOARD OF DIRECTORS									
1	Phương Thành Long		Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật/ <i>Chairman of the Board of Directors, Legal Representative</i>	CCCD số 027083000472 cấp ngày 24/7/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH/ <i>Citizen Identification Card No.: 027083000472, issued on 24 July 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	P.2705 Tòa A2 Hòa Bình Green city, 505 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội/ <i>Room 2705, Building A2, Hoa Binh Green City, No. 505 Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City</i>	04/01/2021			Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/in individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ <i>Position at VAB (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ <i>ID Number, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be an affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be an affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với VAB/ <i>Relationship with VAB</i>
2	Phan Văn Tới		Phó Chủ tịch HĐQT/Vice Chairman of the Board of Directors	CCCD số 079057007177, cấp ngày 22/12/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH/ <i>Citizen Identification Card No.: 079057007177, issued on 22 December 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	Quốc lộ 22, Ấp Tân Tiến, Xã Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh/ <i>National Highway 22, Tan Tien Hamlet, Cu Chi Commune, Ho Chi Minh City</i>	28/02/2007			Người nội bộ/Internal Person
3	Trần Tiến Dũng	003C003958	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc/Member of the Board of Directors,	CCCD số 024062012429 cấp ngày 04/07/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH/ <i>Citizen</i>	215D10 Đường Nguyễn Văn Hưởng, Phường Thảo Điền, Thành phố Hồ Chí Minh/ <i>215D10 Nguyen Van Huong Street, Thao Dien Ward, Ho</i>	26/04/2018			Người nội bộ/Internal Person

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of organization/in individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ ID Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ Head Office/Contact Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be an affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be an affiliated person	Lý do/ Reasons	Mối quan hệ liên quan với VAB/ Relationship with VAB
			Deputy General Director	Identification Card No.: 024062012429, issued on 04 July 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Chi Minh City				
4	Nguyễn Hồng Hải	813367	Thành viên HĐQT/Member of the Board of Directors	CCCD số 031060017621, cấp ngày 18/12/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH/ Citizen Identification Card No.: 031060017621, issued on 18 December 2021 by the Department of	Số nhà 17-19 ngõ 31, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội/ No. 17-19, Alley 31, Nguyen Chi Thanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi City	20/06/2020			Người nội bộ/Internal Person

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/in individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ <i>Position at VAB (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ <i>ID Number, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be an affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be an affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với VAB/ <i>Relationship with VAB</i>
				<i>Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>					
5	Lê Hồng Phương		Thành viên độc lập HĐQT/Independent Member of the Board of Directors	CCCD số 037076003172 cấp ngày 09/12/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH/ <i>Citizen Identification Card No.: 037076003172, issued on 09 December 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	31 Ngõ 18 Lương Yên, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội (Số 27 Đường 3.7/10 Gamuda Garden, Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội)/ <i>No. 31, Alley 18, Luong Yen Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City</i> (Current address: No. 27, Road 3.7/10, Gamuda Garden, Hoang Mai Ward, Hanoi City)	28/4/2023			Người nội bộ/Internal Person
6	Nguyễn Văn		Thành viên	CCCD số	Số 44, Ngõ 60, Phố Yên	01/5/2020			Người nội

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of organization/in individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ID Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ Head Office/Contact Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be an affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be an affiliated person	Lý do/ Reasons	Mối quan hệ liên quan với VAB/ Relationship with VAB
	Trọng		HDQT, Tổng giám đốc/Member of the Board of Directors, General Director	027070000024 cấp ngày 27/9/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH/ Citizen Identification Card No.: 027070000024, issued on 27 September 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Lạc, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội/ No. 44, Alley 60, Yen Lac Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City				bộ/Internal Person
7	Thái Nguyễn Hoàng Nhã		Thành viên độc lập HDQT/Independent Member of the Board of Directors	CCCD số 089078027063 cấp ngày 09/6/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH/ Citizen Identification Card	T1-A25. 09+10 C/c Masteri Thảo Điền, phường Thảo Điền, Thành phố Hồ Chí Minh/ Apartment T1-A25.09+10, Masteri Thao Dien Condominium, Thao Dien	26/4/2025			Người nội bộ/Internal Person

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/in individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ <i>Position at VAB (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ <i>ID Number, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be an affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be an affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với VAB/ <i>Relationship with VAB</i>
				No.: 089078027063, issued on 09 June 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Ward, Ho Chi Minh City				
BAN KIỂM SOÁT/BOARD OF SUPERVISORS									
1	Nguyễn Kim Phụng	021C153324	Trưởng BKS/ <i>Head of the Board of Supervisors</i>	CCCD số 089166002826, cấp ngày 07/10/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH/ <i>Citizen Identification Card No.: 089166002826, issued on 07 October 2022 by the Department of</i>	Căn hộ 14.11 Chung cư Ngọc Lan, 35 Đường Phú Thuận, Khu phố 10, Phường Phú Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh/ <i>Apartment 14.11, Ngoc Lan Condominium, Quarter 10, Phu Thuan Ward, Ho Chi Minh City</i>	24/4/2015			Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/in dividual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ <i>Position at VAB (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ <i>ID Number, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be an affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be an affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với VAB/ <i>Relationship with VAB</i>
				Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)					
2	Nguyễn Văn Thành		Thành viên BKS/ <i>Member of the Board of Supervisors</i>	CCCD số 052086000159 cấp ngày 17/5/2023 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH/ <i>Citizen Identification Card No.: 052086000159, issued on 17 May 2023 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	47 đường 1B, KDC Lý Chiêu Hoàng, P.An Lạc, TP.Hồ Chí Minh/ <i>47 1B Street, Ly Chieu Hoang Quarter, An Lac Ward, Ho Chi Minh City</i>	28/4/2023			Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>
3	Trần Ngọc		Thành viên	CCCD số	380 Tỉnh lộ 8, KP4, xã Tân	26/4/2024			Người nội

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/in individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ <i>Position at VAB (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ <i>ID Number, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be an affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be an affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với VAB/ <i>Relationship with VAB</i>
	Hải		BKS/ <i>Member of the Board of Supervisors</i>	079082024261 cấp ngày 13/01/2022, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH/ <i>Citizen Identification Card No.: 079082024261, issued on 13 January 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	An Hội, TPHCM/ <i>380 Provincial Road 8, Quarter 4, Tan An Hoi Ward, Ho Chi Minh City</i>				bộ/Internal Person
BAN ĐIỀU HÀNH/BOARD OF MANAGEMENT									
1	Nguyễn Văn Trọng		Tổng Giám đốc/ <i>General Director</i>	CCCD số 027070000024, cấp ngày 27/9/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH/ <i>Citizen</i>	Số 44, Ngõ 60, Phố Yên Lạc, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội/ <i>44, Alley 60, Yen Lac Street, Vinh Tuy Ward,</i>	01/5/2020			Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/in individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ <i>Position at VAB (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ <i>ID Number, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be an affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be an affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với VAB/ <i>Relationship with VAB</i>
				Identification Card No.: 027070000024, issued on 27 September 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Hanoi				
2	Phạm Linh		Phó Tổng Giám đốc/Vice-General Director	CCCD số 001074038348, cấp ngày 12/8/2021 tại Cục CS QLHC và TTXH/ <i>Citizen Identification Card No.: 001074038348, issued on 12 August 2021 by the Department of</i>	152/49 đường 30/4, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh/ <i>152/49, 30/4 Street, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City</i>	05/6/2014	11/01/2025		Người nội bộ/Internal Person

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of organization/in individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ ID Number, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ Head Office/Contact Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be an affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be an affiliated person	Lý do/ Reasons	Mối quan hệ liên quan với VAB/ Relationship with VAB
				Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)					
3	Trần Tiến Dũng		Phó Tổng Giám đốc/ Vice-General Director	CCCD số 024062012429 cấp ngày 04/7/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH/ Citizen Identification Card No.: 024062012429, issued on 04 July 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	215D10 Đường Nguyễn Văn Hường, Phường Thảo Điền, Thành phố Hồ Chí Minh/ 215D10, Nguyen Van Huong Street, Thao Dien Ward, Ho Chi Minh City	26/4/2018			Người nội bộ/Internal Person

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/in individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ <i>Position at VAB (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ <i>ID Number, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be an affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be an affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với VAB/ <i>Relationship with VAB</i>
4	Bùi Xuân Dũng		Phó Tổng Giám đốc/ <i>Vice-General Director</i>	CCCD số 001076058388 cấp ngày 23/12/2022 tại Cục CSQLHC về TTXH/ <i>Citizen Identification Card No.: 001076058388, issued on 23 December 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	P1809, HEITower, Số 1 Ngụ Như Kon Tum, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội/ <i>Room No. 1809, HEITower, No. 1, Ngụ Như Kontum Street, Thanh Xuan Ward, Hanoi City</i>	07/10/2024			Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>
KẾ TOÁN TRƯỞNG/CHIEF ACCOUNTANT									
1	Nguyễn Thành Công		Kế Toán trưởng/ <i>Chief Accountant</i>	CCCD số 022083010774 cấp ngày 14/6/2022 tại Cục CS QL HC về	Chung cư Mỹ Đình Plaza, 138 Trần Bình, Phường Mỹ Đình 2, Thành phố Hà Nội/	08/9/2021			Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/in individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ <i>Position at VAB (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ <i>ID Number, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be an affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be an affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với VAB/ <i>Relationship with VAB</i>
				TTXH/ Citizen Identification Card No.: 022083010774, issued on 14 June 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	My Dinh Plaza Apartment, 138 Tran Binh Street, My Dinh 2 Ward, Hanoi City				
II CÔNG TY CON/SUBSIDIARY COMPANY									
1	CÔNG TY TNHH MTV Quản lý nợ & Khai thác tài sản - VAB (AMC VAB)/Vietnam Asia Joint Stock			ĐKKD số 0310540710 cấp lần thứ 12 ngày 26/6/2023 tại Sở KH & ĐT TP.HCM/ Enterprise Registration Certificate No.:	Tầng 2, 119-121 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh/ 2nd Floor, No. 119-121 Nguyen Cong Tru Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City	27/12/2010			Công ty con/Subsidiary company

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/in individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ <i>Position at VAB (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ <i>ID Number, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be an affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be an affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với VAB/ <i>Relationship with VAB</i>
	Commercial Bank – Debt Management and asset exploitation company limited			0310540710, 12th amendment issued on 26 June 2023 by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment					
III CỎ ĐÔNG LỚN/MAJOR SHAREHOLDER									
1	Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư Việt Phương/ <i>Viet Phuong Investment Group Joint Stock Company</i>			ĐKKD số 0100237852 – thay đổi lần thứ 13 ngày 04/03/2025 – Tại Sở Tài chính Thành phố Hà Nội/ <i>Enterprise Registration Certificate No.: 0100237852 – 13th amendment dated 04 March 2025, issued by the Hanoi Department of Finance</i>	Tầng 6 tòa nhà Samsora Premier 105 Phố Chu Văn An, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội/ <i>6th Floor, Samsora Premier Building, No. 105 Chu Van An Street, Ha Dong Ward, Hanoi City</i>	01/11/2010			Cổ đông lớn/Major Shareholder

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/in individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ <i>Position at VAB (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ <i>ID Number, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be an affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be an affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với VAB/ <i>Relationship with VAB</i>
IV	TỔ CHỨC VAB SỞ HỮU TRÊN 10% CỔ PHIẾU QUYỀN BIỂU QUYẾT/ORGANIZATIONS HOLDING OVER 10% OF VOTING SHARES OF VAB								
1	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương/ <i>Hung Vuong Insurance Joint Stock Corporation</i>			Giấy phép số 50GP/KDBH cấp ngày 19/5/2008 tại Bộ Tài chính/ <i>License No.: 50GP/KDBH, issued on 19 May 2008 by the Ministry of Finance</i>	Tầng 5, Tòa nhà Samsora Premier, 105 Chu Văn An, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội/ <i>5th Floor, Samsora Premier Building, No. 105 Chu Van An Street, Ha Dong Ward, Hanoi City</i>	19/05/2008			Tỷ lệ sở hữu: 11%/ <i>Ownership percentage: 11%</i>

PHỤ LỤC 02/APPENDIX 02

GIAO DỊCH GIỮA VAB VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA VAB; HOẶC GIỮA VAB VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/TRANSACTIONS BETWEEN VAB AND ITS AFFILIATED PERSONS OR BETWEEN VAB AND ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS.

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
1.	Phương Thành Long	Người nội bộ <i>Internal Person</i>	CCCD số 027083000472 cấp ngày 24/7/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 027083000472, issued on 24 July 2021 by the Department of</i>	P.2705 Tòa A2 Hòa Bình Green city, 505 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội <i>Room 2705, Building A2, Hoa Binh Green City, No. 505 Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi</i>	26/01/2024	214/2023/NQ-HĐQT ngày 25/10/2023 v/v Phê duyệt giao dịch cấp hạn mức thẻ tín dụng đối với Khách hàng thuộc đối tượng được quy định theo Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng tại VAB <i>Resolution No. 214/2023/NQ-</i>	Nội dung: Thẻ tín dụng nội địa, Thẻ tín dụng quốc tế Visa Số lượng: 02 Thẻ Hạn mức được cấp: - Thẻ tín dụng nội địa: 200.000.000 VNĐ (Ngày phát hành thẻ TDND: 25/12/2023) - Thẻ tín dụng quốc tế VISA: 300.000.000 VNĐ (Ngày phát hành thẻ VISA: 26/01/2024) <i>Products: Domestic credit card; International Visa credit card</i> <i>Quantity: 02 cards</i> <i>Approved credit limits:</i>	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
			<i>Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	<i>City</i>		<i>HĐQT dated 25 October 2023 on the approval of the transaction for granting credit card limits to customers subject to Article 126 of the Law on Credit Institutions at VAB</i>	- Domestic credit card: VND 200.000.000 (Card issuance date: 25 December 2023) - International Visa credit card: VND 300,000,000 (Card issuance date: 26 January 2024)	
2.	Nguyễn Kim Phụng	Người nội bộ <i>Internal Person</i>	CCCD số 089166002826, cấp ngày 07/10/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH <i>Citizen</i>	Căn hộ 14.11 Chung cư Ngọc Lan, 35 Đường Phú Thuận, Khu phố 10, Phường Phú Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh	TDNĐ: 16/01/2024 VISA: 20/01/2024 <i>Domestic credit card: 16 January 2024 International Visa credit</i>	04/2024/NQ-HĐQT ngày 05/01/2024 v/v Phê duyệt giao dịch cấp hạn mức thẻ tín dụng đối với Khách hàng là người nội bộ của VAB <i>Resolution No.</i>	Nội dung: Thẻ tín dụng nội địa, Thẻ tín dụng quốc tế Visa Số lượng: 02 Thẻ Hạn mức được cấp: - Thẻ tín dụng nội địa: 100.000.000 VNĐ (Ngày phát hành thẻ TĐNĐ: 16/01/2024) - Thẻ tín dụng quốc tế Visa: 150.000.000 VNĐ (Ngày phát	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
			Identification Card No.: 089166002826, issued on 07 October 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Apartment 14.11, Ngoc Lan Apartment Building, No. 35 Phu Thuan Street, Quarter 10, Phu Thuan Ward, Ho Chi Minh City	card: 20 January 2024	04/2024/NQ-HĐQT dated 05 January 2024 on the approval of the transaction for granting credit card limits to customers who are internal persons of VAB.	hàng thẻ VISA: 20/01/2024) Products: Domestic credit card; International Visa credit card Quantity: 02 cards Approved credit limits: - Domestic credit card: VND 100.000.000 (Card issuance 16 January 2024) - International Visa credit card: VND 150,000,000 (Card issuance date: 20 January 2024)	
3.	Nguyễn Văn Thành	Người nội bộ <i>Internal Person</i>	CCCD số 052086000159 cấp ngày 17/05/2023 tại Cục Cảnh sát	47 đường 1B, KDC Lý Chiêu Hoàng, P.An Lạc, TP.Hồ Chí Minh	TDNB: 16/01/2024 VISA: 20/01/2024 <i>Domestic</i>	04/2024/NQ-HĐQT ngày 05/01/2024 v/v Phê duyệt giao dịch cấp hạn mức thẻ tín dụng đối với Khách	Nội dung: Thẻ tín dụng nội địa, Thẻ tín dụng quốc tế Visa Số lượng: 02 Thẻ Hạn mức được cấp đến 28/5/2025: - Thẻ tín dụng nội địa:	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
			QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 052086000159, issued on 17 May 2023 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	No. 47, 1B Street, Ly Chieu Hoang Residential Area, An Lac Ward, Ho Chi Minh City	credit card: 16 January 2024 <i>International Visa credit card: 20 January 2024</i>	hàng là người nội bộ của VAB; 172/2025/NQ-HĐQT ngày 29/5/2025 v/v Nâng hạn mức thẻ tín dụng đối với ông Nguyễn Văn Thành <i>Resolution No. 04/2024/NQ-HĐQT dated 05 January 2024 on the approval of the transaction for granting credit card limits to customers who are internal</i>	100.000.000 VNĐ. - Thẻ tín dụng quốc tế Visa: 100.000.000 VNĐ. Hạn mức được cấp từ 29/5/2025: - Thẻ tín dụng nội địa: 200.000.000 VNĐ (Ngày phát hành thẻ TDNĐ:24/06/2025) - Thẻ tín dụng quốc tế Visa: 300.000.000 VNĐ (Ngày phát hành thẻ VISA:30/05/2025) <i>Products: Domestic credit card; International Visa credit card</i> <i>Quantity: 02 cards</i> <i>Approved credit limits up to 28 May 2025:</i> - Domestic credit card: VND 100,000,000 - International Visa credit card:	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
						persons of VAB; <i>Resolution No. 172/2025/NQ-HĐQT dated 29 May 2025 on the increase of the credit card limit for Mr. Nguyen Van Thanh.</i>	VND 100,000,000 <i>Approved credit limits effective from 29 May 2025:</i> - Domestic credit card: VND 200,000,000 (Card issuance date: 24 June 2025) - International Visa credit card: VND 300,000,000 (Card issuance date: 30 May 2025)	
4.	Nguyễn Thành Công	Người nội bộ <i>Internal Person</i>	CCCD số 022083010774 cấp ngày 14/6/2022 tại Cục CS QL HC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.:</i>	Chung cư Mỹ Đình Plaza, 138 Trần Bình, Phường Mỹ Đình 2, Thành phố Hà Nội	28/02/2024	04/2024/NQ-HĐQT ngày 05/01/2024 v/v Phê duyệt giao dịch cấp hạn mức thẻ tín dụng đối với Khách hàng là người nội bộ của VAB; <i>Resolution No.</i>	Nội dung: Thẻ tín dụng nội địa, Thẻ tín dụng quốc tế Visa Số lượng: 02 Thẻ Hạn mức được cấp: - Thẻ tín dụng nội địa: 100.000.000 VNĐ (Ngày phát hành thẻ TDNB: 28/02/2024) - Thẻ tín dụng quốc tế VISA:	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
5.			022083010774, issued on 14 June 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	My Dinh Plaza Apartment Building, No. 138 Tran Binh Street, My Dinh 2 Ward, Hanoi City		04/2024/NQ-HĐQT dated 05 January 2024 on the approval of the transaction for granting credit card limits to customers who are internal persons of VAB	100.000.000 VNĐ (Ngày phát hành thẻ VISA: 15/09/2025) Products: Domestic credit card; International Visa credit card Quantity: 02 cards Approved credit limits: - Domestic credit card: VND 100.000.000 (Card issuance 28 Febunary 2024) - International Visa credit card: VND 100,000,000 (Card issuance date: 15 September 2025)	
					03/01/2025	296/2024/NQ-HĐQT ngày 28/12/2024 v/v Thông qua giao dịch cấp tín dụng giữa VAB và khách hàng Nguyễn Thành Công – Kế toán	Nội dung: vay tiêu dùng/ mua sắm/ đầu tư theo quy định tại các sản phẩm cấp tín dụng dành cho KHCVN tại VAB. Số tiền vay: 2.200.000.000 VNĐ Purpose: Consumer loan / purchase / investment in accordance with VAB's retail	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
						trường VAB <i>Resolution No. 296/2024/NQ-HĐQT dated 28 December 2024 on the approval of the credit transaction between VAB and Mr. Nguyen Thanh Cong – Chief Accountant of VAB.</i>	<i>credit products. Loan amount: VND 2.200.000.000.</i>	
6.	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương <i>Hung Vuong Insurance Joint Stock</i>	Người có liên quan <i>Affiliated person</i>	ĐKKD số 50GP/KDBH cấp ngày 19/5/2008 tại Bộ Tài chính <i>License No.: 50GP/KDBH,</i>	Tầng 5, Tòa nhà Samsora Premier, 105 đường Chu Văn An, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội <i>5th Floor,</i>	07/02/2024 đến 31/12/2025 <i>From 07 February 2024 to 31 December</i>	34/2024/NQ-HĐQT ngày 7/2/2024 v/v Thông qua giao dịch, hợp đồng/phụ lục hợp đồng bảo hiểm năm 2024 – 2025 VAB và Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hùng	Nội dung: Bảo hiểm cháy nổ, xe cơ giới, bảo hiểm tiền năm 2024-2025. Số lượng: 03 sản phẩm, dịch vụ. Giá trị giao dịch: 1.498.987.688 VND <i>Products/Services: Fire and explosion insurance; motor vehicle insurance; cash insurance</i>	



STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
	Corporation		issued on 19 May 2008 by the Ministry of Finance	Samsora Premier Building, No. 105 Chu Van An Street, Ha Dong Ward, Hanoi City	2025	Vương (BHV) Resolution No. 34/2024/NQ-HĐQT dated 07 February 2024 on the approval of transactions and insurance contracts/contract appendices for 2024–2025 between VAB and Hung Vuong Insurance Joint Stock Corporation (BHV)	(2024–2025) Quantity: 03 products/services Transaction value: VND 1.498.987.688	
7.	Trần Ngọc Hải	Người nội bộ <i>Internal Person</i>	CCCD số 079082024261 cấp ngày 13/01/2022, tại Cục Cảnh sát QLHC về	380 Tỉnh lộ 8, KP4, Thị trấn Củ Chi, TPHCM. No. 380, Provincial Road 8, Quarter 4, Cu	17/06/2024	126/2024/NQ-HĐQT ngày 13/6/2024 v/v Phê duyệt giao dịch cấp hạn mức thẻ tín	Nội dung: Thẻ tín dụng nội địa Số lượng: 01 Thẻ Hạn mức được cấp: 100.000.000 VNĐ (Ngày phát hành thẻ TDNĐ:17/06/2024) <i>Product: Domestic credit card</i>	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
			TTXH Citizen Identification Card No.: 079082024261, issued on 13 January 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Chi Town, Ho Chi Minh City		dụng đối với Khách hàng là người nội bộ của VAB <i>Resolution No. 126/2024/NQ-HĐQT dated 13 June 2024 on the approval of the transaction for granting credit card limits to customers who are internal persons of VAB</i>	<i>Quantity: 01 card Approved credit limit: VND 100.000.000 (Domestic credit card issuance date: 17 June 2024)</i>	
8.	Bùi Xuân Dũng	Người nội bộ <i>Internal Person</i>	CCCD số 001076058388 cấp ngày 23/12/2022, tại Cục Cảnh sát QLHC về	P1809, HEITower, Số 1 Ngụy Như Kon Tum, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà	13/11/2024	249/2024/QĐ-HĐQT ngày 8/11/2024 v/v Phê duyệt giao dịch cấp hạn mức Thẻ tín dụng đối với khách	- Nội dung: Thẻ tín dụng quốc tế Visa - Số lượng: 01 Thẻ - Hạn mức được cấp: 200.000.000 VND (Ngày phát hành thẻ VISA:13/11/2024)	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
			TTXH <i>Citizen Identification Card No.:</i> 001076058388, issued on 23 December 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Nội <i>Apartment P1809, HEI Tower, No. 1 Nguy Nhu Kon Tum Street, Thanh Xuan Ward, Hanoi City</i>		hàng là người nội bộ <i>Decision No. 249/2024/QĐ-HĐQT dated 08 November 2024 on the approval of the transaction for granting credit card limits to customers who are internal persons</i>	<i>Product: International Visa credit card Quantity: 01 card Approved credit limit: VND 200.000.000 (Visa credit card issuance date: 13 November 2024)</i>	
9.	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương <i>Hung Vuong</i>	Người có liên quan <i>Affiliated person</i>	ĐKKD số 50GP/KDBH cấp ngày 19/5/2008 tại Bộ Tài chính	Tầng 5, Tòa nhà Samsora Premier, 105 đường Chu Văn An, phường Hà Đông, thành	20/12/2024 đến 19/12/2025 <i>From 20 December 2024 to 19</i>	291/2024/QĐ-HĐQT ngày 20/12/2024 v/v Thông qua ký Hợp đồng bảo hiểm tai nạn và chăm sóc sức	- Nội dung: bảo hiểm tai nạn và sức khỏe cho CBNV và người thân CNBV (VietABankCare) năm 2025. - Số lượng: 01 sản phẩm, dịch vụ. - Giá trị giao dịch: tối đa 3,46 tỷ	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of organization/ individual	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Head Office/Contact Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú/ Note
	Insurance Joint Stock Corporation		License No.: 50GP/KDBH, issued on 19 May 2008 by the Ministry of Finance	phố Hà Nội 5th Floor, Samsora Premier Building, No. 105 Chu Van An Street, Ha Dong Ward, Hanoi City	December 2025	khỏe dành cho CBNV VietABank và người thân CBNV - năm 2025 Decision No. 291/2024/QĐ-HĐQT dated 20 December 2024 on the approval of the execution of the accident insurance and healthcare contract for VietABank employees and their relatives for 2025	đồng. Products/Services: Accident and healthcare insurance for employees and their relatives (VietABankCare) for 2025 Quantity: 01 product/service Transaction value: Up to VND 3.46 billion	
					20/12/2025 đến 19/12/2026 From 20 December	323/2025/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 Thông qua giao dịch, ký kết hợp đồng bảo	Nội dung: bảo hiểm tai nạn và sức khỏe cho CBNV và người thân CNBV (VietABankCare) năm 2026. Số lượng: 01 sản phẩm, dịch vụ.	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by the General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
					2025 to 19 December 2026	hiểm tai nạn và chăm sóc sức khỏe dành cho CBNV VietABank và người thân CBNV - năm năm 2026 <i>Resolution No. 323/2025/NQ-HĐQT dated 30 December 2025 on the approval of the transaction and the execution of the accident insurance and healthcare contract for VietABank employees and their relatives for 2026</i>	Giá trị giao dịch: tối đa 3,56 tỷ đồng. <i>Products/Services: Accident and healthcare insurance for employees and their relatives (VietABankCare) for 2026</i> <i>Quantity: 01 product/service</i> <i>Transaction value: Up to VND 3.56 billion</i>	
10.	Công ty CP Tập đoàn đầu	Cổ đông lớn	ĐKKD số 0100237852 -	Tầng 6 tòa nhà Samsora Premier	13/01/2026	05/2026/NQ-HĐQT ngày 13/01/2026	Nội dung: Thông qua cấp bảo lãnh từng lần cho khách hàng	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH/ ID, Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Head Office/Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
	tư Việt Phương <i>Viet Phuong Investment Group Joint Stock Company</i>	Major Shareholder	thay đổi lần thứ 13 ngày 04/03/2025 – Tại Sở Tài chính Thành phố Hà Nội <i>Registration Certificate No.: 0100237852 – 13th amendment dated 04 March 2025, issued by the Hanoi Department of Finance</i>	105 Phố Chu Văn An, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội <i>6th Floor, Samsora Premier Building, No. 105 Chu Van An Street, Ha Dong Ward, Hanoi City</i>		Thông qua cấp bảo lãnh từng lần cho khách hàng Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Việt Phương <i>Resolution No. 05/2026/NQ-HĐQT dated 13 January 2026 on the approval of the provision of guarantees on a case-by-case basis to Viet Phuong Investment Group Joint Stock Company</i>	Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Việt Phương Giá trị bảo lãnh: 4.671.333.333 VNĐ <i>Description: Approval of the provision of guarantees on a case-by-case basis to Viet Phuong Investment Group Joint Stock Company</i> Guarantee value: VND 4.671.333.333	

PHỤ LỤC 03/APPENDIX 03

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/THE LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR AFFILIATED PERSONS

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
1	Phương Thành Long		Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật/ Chairman of the Board of Directors, Legal Representat ive	CCCD số 027083000472 cấp ngày 24/7/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 027083000472, issued on 24 July 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	P.2705 Tòa A2 Hòa Bình Green city, 505 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội Room 2705, Building A2, Hoa Binh Green City, No. 505 Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	
1.1	Phương Hữu Linh			CCCD số 027050000041	P.1409, tòa A2 Hòa Bình	0,000	0,00%	Bổ đề

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				cấp ngày 08/01/2016 tại Cục CS ĐKQLCTVDLQGVC Citizen Identification Card No.: 027050000041, issued on 08 January 2016 by the Department of Population Database Management and National Resident Database (Ministry of Public Security)	GreenCity, 505 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội Room 1409, Building A2, Hoa Binh GreenCity, No. 505 Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City			Father
1.2	Lương Thị Linh			CCCD số 027155000017 cấp ngày 03/6/2014 tại Cục CS ĐKQLCTVDLQGVC Citizen Identification Card No.: 027155000017, issued on 03 June 2014 by the Department of Population Database Management and National Resident	P.1409, tòa A2 Hòa Bình GreenCity, 505 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội Room 1409, Building A2, Hoa Binh GreenCity, No. 505 Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City	1.935.780	0,24%	Mẹ đẻ Mother

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Database (Ministry of Public Security)				
1.3	Phương Thùy Liên			CCCD số 027177000378 cấp ngày 25/8/2017 tại Cục CS ĐKQLCTVDLQGVDC Citizen Identification Card No.: 027177000378, issued on 25 August 2017 by the Department of Population Database Management and National Resident Database (Ministry of Public Security)	P.1512 Times City, Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội Apartment P.1512, Times City, Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Chị gái Sister
1.4	Nguyễn Xuân Dũng			CCCD số 027076004830 cấp ngày 29/4/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 027076004830, issued on 29 April 2021 by the	P.1512 Times City, Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội Apartment P.1512, Times City, Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Anh rể (chồng của bà Liên) Brother-in-

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)				law (husba nd of Ms. Lien)
1.5	Phương Minh Luận			CCCD số 027081000052 cấp ngày 02/3/2023 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 027081000052, issued on 02 March 2023 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	P.1102, Tầng 11, 93 Lò Đúc, phường Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội Apartment P.1102, 11th Floor, No. 93 Lo Duc Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Anh trai Brothe r
1.6	Nguyễn Phương Hạnh			CCCD số 001187016297 cấp ngày 21/7/2017 tại Cục CS ĐKQLCTVDLQGVC	P.1102, Tầng 11, 93 Lò Đúc, phường Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội	0,000	0,00%	Chị dâu (vợ của ông

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Citizen Identification Card No.: 001187016297, issued on 21 July 2017 by the Department of Population Database Management and National Resident Database (Ministry of Public Security)	Apartment P.1102, 11th Floor, No. 93 Lo Duc Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City			Luận) Sister- in-law (wife of Mr. Luan)
1.7	Phạm Hoàng Anh			CCCD số 001194000147 cấp ngày 17/11/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 001194000147, issued on 17 November 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	P.2705 tòa A2, chung cư Hòa Bình Green city, 505 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội Room 2705, Building A2, Hoa Binh Green City, No. 505 Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Vợ Wife

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
1.8	Phương Khánh An			Còn nhỏ/ Minor	P.2705 tòa A2, chung cư Hòa Bình Green city, 505 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội Room 2705, Building A2, Hoa Binh Green City, No. 505 Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Con gái Daughter
1.9	Phương Thảo Anh			Còn nhỏ/ Minor	P.2705 tòa A2, chung cư Hòa Bình Green city, 505 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội Room 2705, Building A2, Hoa Binh Green City, No. 505 Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Con gái Daughter
1.10	Phương Hiền Anh			Còn nhỏ/ Minor	P.2705 tòa A2, chung cư Hòa Bình Green city, 505 Minh Khai, phường Vĩnh	0,000	0,00%	Con gái Daughter

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
					Tuy, Thành phố Hà Nội Room 2705, Building A2, Hoa Bình Green City, No. 505 Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City			er
1.11	Phương Hà Anh			Còn nhỏ/ Minor	P.2705 tòa A2, chung cư Hòa Bình Green city, 505 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội Room 2705, Building A2, Hoa Bình Green City, No. 505 Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Con gái Daught er
1.12	Phạm Tuấn Anh			CCCD số 001063045479 cấp ngày 03/3/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 001063045479, issued on 03 March 2022 by the	P.0709 tòa S2, chung cư Goldmark City, 136 Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội Apartment P.0709, Building S2, Goldmark	0,000	0,00%	Bố vợ Father -in-law

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	City Apartment Complex, No. 136 Ho Tung Mau Street, Phu Dien Ward, Hanoi City			
1.13	Hoàng Thủy Chung			CCCD số 010171000074 cấp ngày 04/10/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 010171000074, issued on 04 October 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	P.0709 tòa S2, chung cư Goldmark City, 136 Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội Apartment P.0709, Building S2, Goldmark City Apartment Complex, No. 136 Ho Tung Mau Street, Phu Dien Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Mẹ vợ Mother -in-law
2	Phan Văn Tới		Phó Chủ tịch HĐQT Vice	CCCD số 079057007177 cấp ngày 22/12/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về	Quốc lộ 22, Ấp Tân Tiến, Xã Cũ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	0,000	0,00%	

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
			<i>Chairman of the Board of Directors</i>	<i>TTXH Citizen Identification Card No.: 079057007177, issued on 22 December 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	<i>National Highway 22, Tan Tien Hamlet, Cu Chi Commune, Ho Chi Minh City</i>			
2.1	Phan Văn Dùm			Đã mất/Deceased				Cha đè/ Biologi cal father
2.2	Nguyễn Thị Út			Đã mất/Deceased				Mẹ đẻ/ Biologi cal mother
2.3	Lâm Văn Rồi			Đã mất/Deceased				Cha

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								vợ/ Father -in-law
2.4	Ngô Thị Mánh			Đã mất/Deceased				Mẹ vợ/ Mother -in-law
2.5	Lâm Thị Thu Hương			CCCD số 079162024873 cấp ngày 12/01/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 079162024873, issued on 12 January 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	356 QL22, ấp Tân Tiến, xã Củ Chi, Tp.HCM No. 356, National Highway 22, Tan Tien Hamlet, Cu Chi Commune, Ho Chi Minh City	78.952	0,01%	Vợ/ Wife
2.6	Phan Thị Bích Chi			CCCD số 079183018658 cấp ngày 25/4/2021 tại Cục	191/1/6 Cống Quỳnh, Phường Cầu Ông Lãnh,	0,000	0,00%	Con đẻ Daught

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 079183018658, issued on 25 April 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	TP.HCM 191/1/6 Cong Quynh Street, Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh City			er
2.7	Lê Lương Tâm			CCCD số 079083002543 cấp ngày 25/4/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 079083002543, issued on 25 April 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	191/1/6 Cống Quỳnh, Phường Cầu Ông Lãnh, TP.HCM 191/1/6 Cong Quynh Street, Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh City	0,000	0,00%	Con rể (chồng của Bích Chi) Son-in- law (husba nd of Ms. Phan

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								Thị Bích Chi)
2.8	Phan Lâm Xuân Mai			CCCD số 079191033203 cấp ngày 12/01/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 079191033203, issued on 12 January 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	356 QL22, ấp Tân Tiến, xã Củ Chi, Tp.HCM No. 356, National Highway 22, Tan Tien Hamlet, Cu Chi Commune, Ho Chi Minh City	0,000	0,00%	Con đẻ Daught er
2.9	Nguyễn Thanh Tùng			CCCD số 001091047023 cấp ngày 13/7/2023 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 001091047023, issued	356 QL22, ấp Tân Tiến, xã Củ Chi, Tp.HCM No. 356, National Highway 22, Tan Tien Hamlet, Cu Chi Commune, Ho Chi	0,000	0,00%	Con rể (Chồng của Xuân Mai)

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				on 13 July 2023 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Minh City			Son-in- law (husband of Ms. Phan Lam Xuan Mai)
2.10	Phan Thị Lân			Đã mất/Deceased				Em gái/ Younger sister
2.11	Phan Văn Nôi			Đã mất/Deceased				Em trai/ Younger brother
2.12	Đoàn Thị Lùng			CCCD số 079163031545	91/11A Đường 626, Mũi	0,000	0,00%	Em

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				cấp ngày 10/7/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 079163031545, issued on 10 July 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	Côn Đại, Xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh <i>91/11A Road 626, Mui Con Dai Hamlet, Tan An Hoi Commune, Ho Chi Minh City</i>			dâu (vợ của ông Nơi) <i>Sister- in-law (wife of Mr. Phan Van Noi)</i>
2.13	Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp – Thương Mại Cù Chi <i>Cu Chi Industrial – Commercial Development Investment Joint Stock Company</i>			ĐKKD số 0302704764 cấp ngày 27/8/2002 tại Sở KH & ĐT TP.HCM <i>Enterprise Registration Certificate No.: 0302704764, issued on 27 August 2002 by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment</i>	Ấp Bàu Tre 2, Xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh <i>Bau Tre 2 Hamlet, Tan An Hoi Commune, Ho Chi Minh City</i>	8.160.206	1,0%	Chủ tịch HĐQT / Chair man of the Board of

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số phiếu hữu cổ sở cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								Direct ors
2.14	Công ty CP Chế Biến Thực Phẩm Hóc Môn/ Hoc Mon Food Processing Joint Stock Company			ĐKKD số 0312789319 cấp ngày 21/5/2014 tại Sở KH & ĐT TP.HCM Enterprise Registration Certificate No.: 0312789319, issued on 21 May 2014 by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment	14/7A Đường Nguyễn Thị Sóc, Ấp Mỹ Hòa, Xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh 14/7A Nguyen Thi Soc Street, My Hoa Hamlet, Xuan Thoi Son Commune, Ho Chi Minh City	0,000	0,00%	Thành viên HĐQT Member of the Board of Direct ors
2.15	Công Ty CP Xây Dựng Phát Triển Tây Bắc Tay Bac Development Construction Joint Stock Company			ĐKKD số 0310532364 cấp ngày 21/12/2000 tại Sở KH & ĐT TP.HCM Enterprise Registration Certificate No.: 0310532364, issued on 21 December 2000 by the Ho Chi Minh City Department	Số 1, Đường N4, Ấp Bàu Tre 2, Xã Tân An Hội, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam No. 1, N4 Road, Bau Tre 2 Hamlet, Tan An Hoi Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam	0,000	0,00%	Chủ tịch HĐQT Chair man of the Board of

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				of Planning and Investment				Direct ors
3	Trần Tiến Dũng	003C0039 58	Thành viên HĐQT, Phó TGD, Người phụ trách quản trị VAB Member of the Board of Directors, Deputy General Director, Person in charge of Corporate Governance of VAB	CCCD số 024062012429 cấp ngày 04/07/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 024062012429, issued on 04 July 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	215D10 Đường Nguyễn Văn Hưởng, Phường Thảo Điền, Thành phố Hồ Chí Minh 215D10 Nguyen Van Huong Street, Thao Dien Ward, Ho Chi Minh City	8.304.503	1,02%	

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
3.1	Trần Minh Thông			Đã mất/ Deceased				Cha đề/ Biologi cal father
3.2	Ninh Thị Chiêu			Đã mất/ Deceased				Me đề/ Biologi cal mother
3.3	Trần Thị Minh Thu			CCCD số 019157004571 cấp ngày 16/02/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 019157004571, issued on 16 February 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public	127 Nguyễn Gia Thiều, Phường Suối Hoa, Tỉnh Bắc Ninh No. 127 Nguyen Gia Thieu Street, Suoi Hoa Ward, Bac Ninh Province	0,000	0,00%	Chị gái/ Sister

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số phiếu hữu cổ sở cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Security)				
3.4	Nguyễn Gia Sào			CCCD số 027050002755 cấp ngày 16/02/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 027050002755, issued on 16 February 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	127 Nguyễn Gia Thiệu, Phường Suối Hoa, Tỉnh Bắc Ninh No. 127 Nguyen Gia Thieu Street, Suoi Hoa Ward, Bac Ninh Province	0,000	0,00%	Chồng của bà Thu Brother-in- law (husband of Ms. Tran Thi Minh Thu)
3.5	Trần Minh Đông			CCCD số 019057000108 cấp ngày 07/7/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 019057000108, issued	45/9/12 đường số 59, Phường 14, Thành phố Hồ Chí Minh 45/9/12 Street No. 59, Ward 14, Ho Chi Minh	0,000	0,00%	Anh traí Brother

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				on 07 July 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	City			
3.6	Mai Xuân Nghĩa			CCCD số 068162000006 cấp ngày 22/12/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 068162000006, issued on 22 December 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	45/9/12 đường số 59, Phường 14, Thành phố Hồ Chí Minh 45/9/12 Street No. 59, Ward 14, Ho Chi Minh City	0,000	0,00%	Vợ của ông Đồng Sister- in-law (wife of Mr. Tran Minh Dong)
3.7	Trần Minh Thanh			CCCD số 024160000523 cấp ngày 14/4/2021 tại Cục	Số 04 dãy A1b, tổ dân phố 7B, Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Ngô Quyền,	0,000	0,00%	Chị gái Sister

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 024160000523, issued on 14 April 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Tỉnh Bắc Ninh No. 04, Block A1b, Residential Group 7B, Tran Nguyen Han Street, Ngo Quyen Ward, Bac Ninh Province			
3.8	Bùi Duy Thơm			Đã mất/ Deceased		0,000	0,00%	Chồng của bà Thanh Brother-in- law (husband of Ms. Tran Minh

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								Thanh))
3.9	Trần Minh Hà			CCCD số 024164010715 cấp ngày 10/7/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 024164010715, issued on 10 July 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Số 9 ngách 90/2 Đường Bưởi, Phường Ngọc Khánh, Thành phố Hà Nội No. 9, Alley 90/2, Bui Street, Ngoc Khanh Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Em gái Younger sister
3.10	Lê Mậu Lâm			CCCD số 105663003714 cấp ngày 23/7/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 105663003714, issued on 23 July 2021 by the	Số 9 ngách 90/2 Đường Bưởi, Phường Ngọc Khánh, Thành phố Hà Nội No. 9, Alley 90/2, Bui Street, Ngoc Khanh Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Chồng của bà Hà Brother-in- law

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)				(husband of Ms. Tran Minh Ha)
3.11	Lâm Nhật Phương			CCCD số 079169024125 cấp ngày 20/8/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 079169024125, issued on 20 August 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	215D10 Đường Nguyễn Văn Hưởng, Phường Thảo Diễn, Thành phố Hồ Chí Minh 215D10 Nguyen Van Huong Street, Thao Dien Ward, Ho Chi Minh City	0,000	0,00%	Vợ Wife
3.12	Trần Nhật Nam Phương			CCCD số 079195025708 cấp ngày 20/11/2023 tại	4847 Oakwood Ave Apt 207 Los Angeles CA 90004.	0,000	0,00%	Con gái

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 079195025708, issued on 20 November 2023 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Hoa Kỳ 4847 Oakwood Ave, Apt. 207, Los Angeles, CA 90004, United States			Daught er
3.13	Trần Nhật Phương Vy			CCCD số 079198023943 cấp ngày 20/8/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 079198023943, issued on 20 August 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	4847 Oakwood Ave Apt 207 Los Angeles CA 90004. Hoa Kỳ 4847 Oakwood Ave, Apt. 207, Los Angeles, CA 90004, United States	0,000	0,00%	Con gái Daught er

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
3.14	Trần Đức Anh			CCCD số 079204004846 cấp ngày 20/8/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 079204004846, issued on 20 August 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	120 Boylston street, Box 9108, Boston MA 02116. Hoa Kỳ <i>120 Boylston Street, Box 9108, Boston, MA 02116, United States</i>	0,000	0,00%	Con trai Son
3.15	Lâm Văn Thọ			Hộ chiếu số 513908190 cấp ngày 24/12/2013 tại Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ <i>Passport No.: 513908190, issued on 24 December 2013 by the United States Department of State</i>	12591 Westminster AVE, Garden Grove, Hoa Kỳ <i>12591 Westminster Ave, Garden Grove, United States</i>	0,000	0,00%	Bố vợ Father -in-law
3.16	Bùi Thu Vân			Đã mất/Deceased	Garden Groove CA 92843	0,000	0,00%	Mẹ vợ

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
					– 4243, Hoa Kỳ Garden Grove, CA 92843, United States			Mother -in-law
3.17	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản – VAB VAB Asset Management and Debt Exploitation One Member Limited Liability Company			ĐKKD số 0310540710 cấp lần thứ 12 ngày 26/6/2023 tại Sở KH & ĐT TP.HCM Enterprise Registration Certificate No.: 0310540710, 12th amendment dated 26 June 2023, issued by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment	Tầng 2, 119-121 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh 2nd Floor, No. 119-121 Nguyen Cong Tru Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City	0,000	0,00%	Thành viên HĐTV Membe r of the Membe rs' Counci l
4	Nguyễn Hồng Hải	026C8133 67	Thành viên HĐQT, Người được ủy quyền CBTT Member of	CCCD số 031060017621 cấp ngày 18/12/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 031060017621, issued	Số nhà 17-19 ngõ 31, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội No. 17-19, Alley 31, Nguyen Chi Thanh Street,	0,000	0,00%	

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
			the Board of Directors, Authorized Person for Information Disclosure	on 18 December 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Giang Vo Ward, Hanoi City			
4.1	Nguyễn Như Mục			Đã mất /Deceased				Cha dè/ Biologi cal father
4.2	Phạm Thị Tâm			Đã mất /Deceased				Mẹ dè/ Biologi cal mother
4.3	Trịnh Kim Dung			CCCD số 001143002916 cấp ngày 19/06/2018 tại Cục CS ĐKQL cư trú và	Số nhà 17-19 ngõ 31, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Giảng Võ, thành	0,000	0,00%	Mẹ vợ Mother -in-law

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				DLQG về dân cư Citizen Identification Card No.: 001143002916, issued on 19 June 2018 by the Department of Population Registration Management and National Resident Database (Ministry of Public Security)	phố Hà Nội No. 17-19, Alley 31, Nguyen Chi Thanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi City			
4.4	Ngô Tuấn Kiệt			Đã mất/Deceased		0,000	0,00%	Bố vợ Father -in-law
4.5	Ngô Thu Hương	003C1308 661		CCCD số 001166010766 cấp ngày 18/12/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 001091020826, issued on 11 December 2017 by the Department of	Số nhà 17-19 ngõ 31, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội No. 17-19, Alley 31, Nguyen Chi Thanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi	0,000	0,00%	Vợ wife

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Population Registration Management and National Resident Database (Ministry of Public Security)	City			
4.6	Nguyễn Duy Anh			CCCD số 001091020826 cấp ngày 11/12/2017 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư Citizen Identification Card No.: 001091020826, issued on 11 December 2017 by the Department of Population Registration Management and National Resident Database (Ministry of Public Security)	Số nhà 17-19 ngõ 31, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội No. 17-19, Alley 31, Nguyen Chi Thanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Con trai Son
4.7	Bùi Thu Trang			CCCD số 025191001280 cấp ngày 25/4/2021 tại Cục	Số nhà 17-19 ngõ 31, đường Nguyễn Chí Thanh,	0,000	0,00%	Con dâu

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 025191001280, issued on 25 April 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security) Address: House No. 17-19, Alley 31, Nguyen Chi Thanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi City	phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội No. 17-19, Alley 31, Nguyen Chi Thanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi City			(Vợ ông Duy Anh) Daught er-in- law (wife of Mr. Nguye n Duy Anh)
4.8	Nguyễn Hoàng Long			CCCD số 001097027656 cấp ngày 19/2/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 001097027656, issued on 19 February 2021 by the Department of	Số nhà 17-19 ngõ 31, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội No. 17-19, Alley 31, Nguyen Chi Thanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi	0,000	0,00%	Con trai Son

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	City			
4.9	Nguyễn Hồng Giang			CCCD số 031062003889 cấp ngày 13/6/2017 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư <i>Citizen Identification Card No.: 031062003889, issued on 13 June 2017 by the Department of Population Registration Management and National Resident Database (Ministry of Public Security)</i>	Số nhà 40, Đồng từ 2, phường Phú Liễn, thành phố Hải Phòng <i>No. 40, Dong Tu 2, Phu Lien Ward, Hai Phong City</i>	0,000	0,00%	Em trai <i>Younger Brother</i>
4.10	Nguyễn Thu Hà			CCCD số 031169014582 cấp ngày 12/01/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH	Phòng 308, E10 Thành Công, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội	0,000	0,00%	Em gái <i>Younger Sister</i>

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Citizen Identification Card No.: 031169014582, issued on 12 January 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Room 308, E10 Thanh Cong Apartment Building, Giang Vo Ward, Hanoi City			
4.11	Nguyễn Thị Ánh			CCCD số 031174002391 cấp ngày 22/6/2016 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư Citizen Identification Card No.: 031174002391, issued on 22 June 2016 by the Department of Population Registration Management and National Resident Database (Ministry of Public Security)	Số nhà 40, Đồng từ 2, phường Phù Liễn, thành phố Hải Phòng No. 40, Dong Tu 2, Phu Lien Ward, Hai Phong City	0,000	0,00%	Em dâu Sister- in-law

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
4.12	Lại Anh Tuấn			CCCD số 001069040955 cấp ngày 25/7/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 001069040955, issued on 25 July 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	Phòng 308, E10 Thành Công, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội <i>Room 308, E10 Thanh Cong Apartment Building, Giang Vo Ward, Hanoi City</i>	0,000	0,00%	Em rể <i>Brother-in-law</i>
4.13	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản – VAB <i>VAB Asset Management and Debt Exploitation One Member Limited Liability Company</i>			ĐKKD số 0310540710 cấp lần thứ 12 ngày 26/6/2023 tại Sở KH & ĐT TP.HCM <i>Enterprise Registration Certificate No.: 0310540710, 12th amendment dated 26 June 2023, issued by the Ho Chi Minh City Department of</i>	Tầng 2, 119-121 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh <i>2nd Floor, No. 119-121 Nguyen Cong Tru Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City</i>	0,000	0,00%	Chủ tịch HĐTV , Giám đốc đến ngày 14/11/ 2025

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Planning and Investment				Chair man of the Membe rs' Counci l, Direct or (until 14 Novem ber 2025)
5	Lê Hồng Phương		Thành viên độc lập HDQT Independent Member of the	CCCD số 037076003172 cấp ngày 09/12/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 037076003172, issued	31 Ngõ 18 Lương Yên, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội (Số 27 Đường 3.7/10 Gamuda Garden, Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội)	0,000	0,00%	

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
			Board of Directors	on 09 December 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	No. 31, Alley 18, Luong Yen Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City (No. 27, Road 3.7/10, Gamuda Garden, Hoang Mai Ward, Hanoi City)			
5.1	Lê Việt Hùng			CCCD số 037040000859 cấp ngày 24/5/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 037040000859, issued on 24 May 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Thôn Chi Thiện, Xuân Chính, Kim Sơn, Ninh Bình Chi Thien Hamlet, Xuan Chinh Commune, Kim Son District, Ninh Binh Province	0,000	0,00%	Bố đẻ Biological father
5.2	Phạm Thị Lộc			CCCD số 037140001075 cấp ngày 02/12/2022 tại	Thôn Chi Thiện, Xuân Chính, Kim Sơn, Ninh	0,000	0,00%	Mẹ đẻ Biological

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 037140001075, issued on 02 December 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Bình Chi Thien Hamlet, Xuan Chinh Commune, Kim Son District, Ninh Binh Province			cal mother
5.3	Nguyễn Văn Đức			CCCD số 033051003388 cấp ngày 28/6/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 033051003388, issued on 28 June 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	31 Ngõ 18 Lương Yên, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội No. 31, Alley 18, Luong Yen Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Bố vợ Father -in-law

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
5.4	Trần Thu Ân			Hộ chiếu số C7664627 cấp ngày 20/6/2019 tại Cục QL xuất nhập cảnh <i>Passport No.: C7664627, issued on 20 June 2019 by the Immigration Department</i>	31 Ngõ 18 Lương Yên, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội <i>No. 31, Alley 18, Luong Yen Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City</i>	0,000	0,00%	Mẹ vợ <i>Mother -in-law</i>
5.5	Nguyễn Trần Phương Mỹ			CCCD số 001182002015 cấp ngày 18/12/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 001182002015, issued on 18 December 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	31 Ngõ 18 Lương Yên, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội (Số 27 Đường 3.7/10 Gamuda Garden, Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội) <i>No. 31, Alley 18, Luong Yen Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City (No. 27, Road 3.7/10, Gamuda Garden, Hoang Mai Ward, Hanoi City)</i>	0,000	0,00%	Vợ

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
5.6	Lê Nguyễn Phương Linh			CCCD số 001307055158 cấp ngày 14/4/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 001307055158, issued on 14 April 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	31 Ngõ 18 Lương Yên, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội (Số 27 Đường 3.7/10 Gamuda Garden, Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội) <i>No. 31, Alley 18, Luong Yen Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City (No. 27, Road 3.7/10, Gamuda Garden, Hoang Mai Ward, Hanoi City)</i>	0,000	0,00%	Con gái Daught er
5.7	Lê Thanh Tùng			Còn nhỏ/ Minor	31 Ngõ 18 Lương Yên, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội (Số 27 Đường 3.7/10 Gamuda Garden, Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội) <i>No. 31, Alley 18, Luong Yen Street, Vinh Tuy Ward,</i>	0,000	0,00%	Con trai Son

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
					Hanoi City (No. 27, Road 3.7/10, Gamuda Garden, Hoang Mai Ward, Hanoi City)			
5.8	Lê Tiến Dũng			Đã mất/ Deceased		0,000	0,00%	Anh trai Brothe r
5.9	Phạm Thị Oanh			CCCD số 036163002891 cấp ngày 28/6/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 036163002891, issued on 28 June 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Phúc Thịnh, Phúc Thành, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình Phuc Thinh Hamlet, Phuc Thanh Commune, Ninh Binh City, Ninh Binh Province	0,000	0,00%	Chị dâu Sister- in-law

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
5.10	Lê Hồng Phong			CCCD số 037066003328 cấp ngày 12/4/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 037066003328, issued on 12 April 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	Phố Kỳ Lân, phường Hoa Lư, Ninh Bình <i>Ky Lan Street, Hoa Lu Ward, Ninh Binh City, Ninh Binh Province</i>	0,000	0,00%	Anh trai Brother
5.11	Nguyễn Thị Thanh			CCCD số 037172004007 cấp ngày 12/6/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 037172004007, issued on 12 June 2022 by the Department of Administrative Management of Social</i>	Phố Kỳ Lân, phường Hoa Lư, Ninh Bình <i>Ky Lan Street, Hoa Lu Ward, Ninh Binh City, Ninh Binh Province</i>	0,000	0,00%	Chị dâu Sister-in-law

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Order (Ministry of Public Security)				
5.12	Lê Thị Bích Ngọc			CCCD số 037160012180 cấp ngày 10/6/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 037160012180, issued on 10 June 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Xóm 7A, xã Bình Minh, Kim Sơn, Ninh Bình Hamlet 7A, Binh Minh Commune, Kim Son District, Ninh Binh Province	0,000	0,00%	Chị gái Sister
5.13	Đoàn Văn Hồng			CCCD số 037054006621 cấp ngày 10/6/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 037054006621, issued on 10 June 2021 by the	Xóm 7A, xã Bình Minh, Kim Sơn, Ninh Bình Hamlet 7A, Binh Minh Commune, Kim Son District, Ninh Binh Province	0,000	0,00%	Anh rể Brother-in- law

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)				
5.14	Công ty CP quản lý quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo Makara Makara Innovation Investment Fund Management Joint Stock Company			ĐKKD số: 0402257661 cấp ngày: 12 tháng 12 năm 2024 tại phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư TP. Đà Nẵng. Enterprise Registration Certificate No.: 0402257661, issued on 12 December 2024 by the Business Registration Office – Department of Planning and Investment of Da Nang City	Số 29 đường Hoa Phụng 2, Khu Euro Village 1, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam No. 29 Hoa Phuong 2 Street, Euro Village 1, Da Nang City, Vietnam	0,000	0,00%	Tổng Giám đốc Genera l Direct or
5.15	Công ty CP			ĐKKD số: 0107442875 cấp ngày : đăng ký thay đổi lần	Tầng 8, Tòa nhà HCO Building, Số 44 Lý Thường	0,000	0,00%	Thành viên

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
	Newtechco Group Newtechco Group Joint Stock Company			thứ 10, ngày 20 tháng 02 năm 2025 tại phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hà nội. Enterprise Registration Certificate No.: 0107442875, 10th amendment dated 20 February 2025, issued by the Business Registration Office – Department of Planning and Investment of Hanoi City	Kiệt, 44 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội 8th Floor, HCO Building, No. 44 Ly Thuong Kiet Street, Cua Nam Ward, Hanoi City			HĐQT Member of the Board of Direct ors
6	Nguyễn Văn Trọng	028C2366 99	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Member of the Board of	CCCD số 027070000024 cấp ngày 27/9/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 027070000024, issued on 27 September 2021 by the Department of	Số 44, Ngõ 60, Phố Yên Lạc, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội No. 44, Alley 60, Yen Lac Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
			Directors, General Director	Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)				
6.1	Nguyễn Văn Tụ			Đã mất/Deceased				Bố đẻ Biological father
6.2	Nguyễn Thị Nguyễn			CCCD số 027142006089 cấp ngày 17/6/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 027142006089, issued on 17 June 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Tân Lăng, Lương Tài, Bắc Ninh Tan Lang Commune, Luong Tai District, Bac Ninh Province	0,000	0,00%	Mẹ đẻ Biological mother

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
6.3	Thái Thị Hồng Phượng			CCCD số 022174000033, cấp ngày 22/11/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 022174000033, issued on 22 November 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	44/60 Yên Lạc, phường Vĩnh Tuy, HN <i>No. 44/60 Yen Lac Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City</i>	0,000	0,00%	Vợ <i>Wife</i>
6.4	Nguyễn Thái Tuấn			CCCD số 001200005305 cấp ngày 07/5/2019 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 001200005305, issued on 07 May 2019 by the Department of Administrative Management of Social</i>	44/60 Yên Lạc, phường Vĩnh Tuy, HN <i>No. 44/60 Yen Lac Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City</i>	0,000	0,00%	Con đẻ <i>Son</i>

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Order (Ministry of Public Security)				
6.5	Nguyễn Thảo Phương			CCCD số 001306030188 cấp ngày 15/4/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 001306030188, issued on 15 April 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	44/60 Yên Lạc, phường Vĩnh Tuy, HN <i>No. 44/60 Yen Lac Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City</i>	0,000	0,00%	Con đẻ Daughter
6.6	Nguyễn Thị Kính			CCCD số 027163012104 cấp ngày 05/7/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 027163012104, issued on 05 July 2021 by the</i>	Tân Lăng, Lương Tài, Bắc Ninh <i>Tan Lang Commune, Luong Tai District, Bac Ninh Province</i>	0,000	0,00%	Chị gái Sister

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)				
6.7	Nguyễn Thị Đại			CCCD số 027173008539 cấp ngày 25/6/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 027173008539, issued on 25 June 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Tân Lãng, Lương Tài, Bắc Ninh Tan Lang Commune, Luong Tai District, Bac Ninh Province	0,000	0,00%	Em gái Younger sister
6.8	Phùng Văn Trung			CCCD số 027071015097 cấp ngày 25/6/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH	Tân Lãng, Lương Tài, Bắc Ninh Tan Lang Commune,	0,000	0,00%	Em rể (chồng của bà

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Citizen Identification Card No.: 027071015097, issued on 25 June 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Luong Tai District, Bac Ninh Province			Đại) Brothe r-in- law (husba nd of Ms. Nguye n Thi Dai)
6.9	Nguyễn Thị Lý			CCCD số 027178007535 cấp ngày 25/6/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 027178007535, issued on 25 June 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public	Tân Lăng, Lương Tài, Bắc Ninh Tan Lang Commune, Luong Tai District, Bac Ninh Province	0,000	0,00%	Em gái Younge r sister

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số phiếu hữu cổ sở cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Security)				
6.10	Nguyễn Văn Sờ			CCCD số 027073011259 cấp ngày 25/6/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 027073011259, issued on 25 June 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	Tân Lãng, Lương Tài, Bắc Ninh <i>Tan Lang Commune, Luong Tai District, Bac Ninh Province</i>	0,000	0,00%	Em rể (chồng của bà Lý) <i>Brothe r-in- law (husba nd of Ms. Nguye n Thi Ly)</i>
6.11	Nguyễn Văn Thuyết			CCCD số 027081000137 cấp ngày 20/5/2015 tại Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư. <i>Citizen Identification Card</i>	Tổ 39 phường Thanh Lương, HN. <i>Residential Group No. 39, Thanh Luong Ward, Hanoi City</i>	0,000	0,00%	Em trai <i>Younge r brother</i>

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				No.: 027081000137, issued on 20 May 2015 by the Department of Population Registration Management and National Resident Database (Ministry of Public Security)				
6.12	Nguyễn Thu Hằng			CCCD số 037183000155 cấp ngày 20/5/2015 tại Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư. Citizen Identification Card No.: 037183000155, issued on 20 May 2015 by the Department of Population Registration Management and National Resident Database (Ministry of Public Security)	Tổ 39 phường Thanh Luong, HN. Residential Group No. 39, Thanh Luong Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Em dâu (vợ của ông Thuyết)

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
6.13	Bùi Thị An			CCCD số 035144000035 cấp ngày 07/5/2015 tại Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư. <i>Citizen Identification Card No.: 035144000035, issued on 07 May 2015 by the Department of Population Registration Management and National Resident Database (Ministry of Public Security)</i>	308, Ngõ 138, Phường Phương Liên, Thành phố Hà Nội <i>No. 308, Alley 138, Phuong Lien Ward, Hanoi City</i>	0,000	0,00%	Mẹ vợ <i>Mother -in-law</i>
6.14	Thái Minh Hải			Đã mất/ <i>Deceased</i>		0,000	0,00%	Bố vợ <i>Father -in-law</i>
7	Thái Nguyễn Hoàng Nhã		Thành viên độc lập HĐQT <i>Independen</i>	CCCD số 089078027063 cấp ngày 09/6/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	T1-A25. 09+10 C/c Masteri Thảo Điền, phường Thảo Điền, Thành phố Hồ Chí Minh	0,000	0,00%	

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
			<i>Member of the Board of Directors</i>	<i>Citizen Identification Card No.: 089078027063, issued on 09 June 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	<i>Apartment T1-A25.09+10, Masteri Thao Dien Condominium, Thao Dien Ward, Ho Chi Minh City</i>			
7.1	Nguyễn Phương Thảo			CCCD số 089177025618 cấp ngày 09/6/2022 tại Cục CS QLHC và TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 089177025618, issued on 09 June 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of</i>	Số 1 Mai Văn Tạo, Phường Núi Sam, Tỉnh An Giang <i>No. 1 Mai Van Tao Street, Nui Sam Ward, An Giang Province</i>	0,000	0,00%	Vợ Wife

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Public Security)				
7.2	Thái Bảo Ngọc			CCCD số 079304035516 cấp ngày 09/6/2022 tại Cục CS QLHC và TTXH Citizen Identification Card No.: 079304035516, issued on 09 June 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	1570 Waverly Glen Dr, Alpharetta, GA, 30004, USA 1570 Waverly Glen Drive, Alpharetta, GA 30004, United States	0,000	0,00%	Con Daugh ter
7.3	Thái Bảo Long			CCCD số 079207002588 cấp ngày 09/6/2022 tại Cục CS QLHC và TTXH Citizen Identification	1570 Waverly Glen Dr, Alpharetta, GA, 30004, USA 1570 Waverly Glen Drive, Alpharetta, GA 30004,	0,000	0,00%	Con Daugh ter

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Card No.: 079207002588, issued on 09 June 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	United States			
7.4	Thái Văn Độ			CCCD số 089057010397 cấp ngày 04/6/2023 tại Cục CS QLHC và TTXH Citizen Identification Card No.: 089057010397, issued on 04 June 2023 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of	Lumiere Riverside 275 Đ. Võ Nguyên Giáp, phường An Phú, Hồ Chí Minh Lumiere Riverside Building, No. 275 Vo Nguyen Giap Street, An Phu Ward, Ho Chi Minh City	0,000	0,00%	Bố đẻ Biological father

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Public Security)				
7.5	Nguyễn Thị Liên			CCCD số 089161003736 cấp ngày 04/6/2023 tại Cục CS QLHC và TTXH Citizen Identification Card No.: 089161003736, issued on 04 June 2023 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Lumiere Riverside 275 Đ. Võ Nguyên Giáp, phường An Phú, Hồ Chí Minh Lumiere Riverside Building, No. 275 Vo Nguyen Giap Street, An Phu Ward, Ho Chi Minh City	0,000	0,00%	Mẹ đẻ Biological mother
7.6	Nguyễn Văn Cảnh			CCCD số 089054003013 cấp ngày 11/8/2021 tại Cục CS QLHC và TTXH Citizen Identification	Số 1 Mai Văn Tạo, Phường Núi Sam, Tỉnh An Giang No. 1 Mai Van Tao Street, Nui Sam Ward, An Giang Province	0,000	0,00%	Bố Vợ Father -in- law

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Card No.: 089054003013, issued on 11 August 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)				
7.7	Dương Mỹ Linh			CCCD số 089152009602 cấp ngày 11/8/2021 tại Cục CS QLHC và TTXH Citizen Identification Card No.: 089152009602, issued on 11 August 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of	Số 1 Mai Văn Tạo, Phường Núi Sam, Tỉnh An Giang No. 1 Mai Van Tao Street, Nui Sam Ward, An Giang Province	0,000	0,00%	Mẹ Vợ Mother-in- law

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số phiếu hữu cổ sở cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Public Security)				
8	Nguyễn Kim Phượng	021C1533 24	Trưởng Ban kiểm soát Head of the Board of Supervisors	CCCD số 089166002826, cấp ngày 07/10/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 089166002826, issued on 07 October 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Căn hộ 14.11 Chung cư Ngọc Lan, 35 Đường Phú Thuận, Khu phố 10, Phường Phú Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh Apartment 14.11, Ngoc Lan Apartment Building, No. 35 Phu Thuan Street, Quarter 10, Phu Thuan Ward, Ho Chi Minh City	1.935	0,00024%	
8.1	Nguyễn Văn Tám			Đã mất/Deceased		0,000	0,00%	Cha Father
8.2	Nguyễn Kim Em			Identity card lost (elderly, not re-issued)	No. 4/43, Chau Long I Hamlet, Chau Doc Ward, An Giang Province	0,000	0,00%	Mẹ Mother

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Shareholding Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
8.3	Nguyễn Thanh Tùng			CCCD số 089068001324, cấp ngày 15/04/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 089068001324, issued on 15 April 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	Châu Thanh, Phường Châu Độc, Tỉnh An Giang <i>Chau Thanh Hamlet, Chau Doc Ward, An Giang Province</i>	0,000	0,00%	Em trai <i>Younger brother</i>
8.4	Nguyễn Thanh Sơn			CCCD số 089073008736, cấp ngày 08/05/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 089073008736, issued on 08 May 2022 by the Department of</i>	Ấp Khánh Hòa, Xã Khánh Bình, Tỉnh An Giang <i>Khanh Hoa Hamlet, Khanh Binh Commune, An Giang Province</i>	0,000	0,00%	Em trai <i>Younger brother</i>

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)				
8.5	Nguyễn Thị Kim Xoàn			Không biết CMND/ CCCD Citizen Identification Card unknown	Bỏ địa phương, không còn tại nơi cư trú Left locality; no longer residing at registered address	0,000	0,00%	Em gái Younger sister
8.6	Nguyễn Thanh Long			Không biết CMND/ CCCD Citizen Identification Card unknown	Bỏ địa phương, không còn tại nơi cư trú Left locality; no longer residing at registered address	0,000	0,00%	Em trai Younger brother
8.7	Nguyễn Thị Nga			Đã mất/ Deceased		0,000	0,00%	Em dâu Sister- in-law

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
8.8	Nguyễn Thị Kim Loan			CCCD số 089182025132, cấp ngày 11/8/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 089182025132, issued on 11 August 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Ấp Khánh Hòa, Xã Khánh Bình, Tỉnh An Giang Khanh Hoa Hamlet, Khanh Binh Commune, An Giang Province	0,000	0,00%	Em dâu Sister-in-law
8.9	Phan Văn Cường			Đã mất/Deceased		0,000	0,00%	Em rể Brother-in-law
9	Nguyễn Văn Thành		Thành viên BKS Member of	CCCD số 052086000159 cấp ngày 17/05/2023 tại Cục Cảnh sát QLHC về	47 đường 1B, KDC Lý Chiêu Hoàng, P.An Lạc, Q.Bình Tân, TP.Hồ Chí	0,000	0,00%	

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
			<i>the Board of Supervisors</i>	TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 052086000159, issued on 17 May 2023 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	Minh <i>No. 47, 1B Street, Ly Chieu Hoang Residential Area, An Lac Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City</i>			
9.1	Nguyễn Văn Chín			CCCD số 052054007468 cấp ngày 01/9/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 052054007468, issued on 01 September 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	329/4 Âu Cơ, KP3, Phường Quy Nhơn Tây, Tỉnh Gia Lai <i>No. 329/4 Au Co Street, Quarter 3, Quy Nhon Tay Ward, Gia Lai Province</i>	0,000	0,00%	Bổ ruột <i>Biologi cal father</i>

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
9.2	Nguyễn Thị Mỹ			CCCD số 052163009621 cấp ngày 27/4/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 052163009621, issued on 27 April 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	329/4 Âu Cơ, KP3, Phường Quy Nhơn Tây, Tỉnh Gia Lai <i>No. 329/4 Au Co Street, Quarter 3, Quy Nhon Tay Ward, Gia Lai Province</i>	0,000	0,00%	Mẹ ruột <i>Biologi cal mother</i>
9.3	Nguyễn Thị Ngọc Đô			CCCD số 052191020578 cấp ngày 11/8/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 052191020578, issued on 11 August 2021 by the Department of Administrative Management of Social</i>	Tổ 9, KP1, Phường Phường Quy Nhơn Bắc, Tỉnh Gia Lai <i>Residential Group 9, Quarter 1, Quy Nhon Bac Ward, Gia Lai Province</i>	0,000	0,00%	Em gái ruột <i>Younge r sister</i>

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Order (Ministry of Public Security)				
9.4	Nguyễn Thế Lộc			CCCD số 052093008695 cấp ngày 11/8/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 052093008695, issued on 11 August 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Tổ 9, KP1, Phường Phường Quy Nhơn Bắc, Tỉnh Gia Lai Residential Group 9, Quarter 1, Quy Nhơn Bac Ward, Gia Lai Province	0,000	0,00%	Em rể (chồng bà Ngọc Đô) Brother-in- law (husband of Ms. Nguyen Thi Ngoc Do)
9.5	Nguyễn Văn Huy			CCCD số 052093013149 cấp ngày 01/9/2021 tại Cục	329/4 Âu Cơ, KP3, Phường Quy Nhơn Tây,	0,000	0,00%	Em trai ruột

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 052093013149, issued on 01 September 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Tỉnh Gia Lai No. 329/4 Au Co Street, Quarter 3, Quy Nhon Tay Ward, Gia Lai Province			Younger brother
10	Trần Ngọc Hải		Thành viên BKS kể từ 26/4/2024 Member of the Board of Supervisors nguyên (effective from 26 April 2024)	CCCD số 079082024261 cấp ngày 13/01/2022, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 079082024261, issued on 13 January 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public	380 Tỉnh lộ 8, KP4, xã Tân An Hội, TPHCM No. 380, Provincial Road 8, Quarter 4, Tan An Hoi Commune, Ho Chi Minh City	0,000	0,00%	

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Security)				
10.1	Trần Ngọc Kiên			Đã mất/Deceased		0,000	0,00%	Bố ruột Biologi cal father
10.2	Cao Thị Minh			Đã mất/Deceased		0,000	0,00%	Mẹ ruột Biologi cal mother
10.3	Trần Thị Kim Yến			CCCD số 079158014658 cấp ngày 19/4/2021, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 079158014658, issued on 19 April 2021 by the Department of Administrative	358 Tỉnh lộ 8, Khu phố 4, xã Tân An Hội, TPHCM No. 358, Provincial Road 8, Quarter 4, Tan An Hoi Commune, Ho Chi Minh City	0,000	0,00%	Chị ruột Sister

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Management of Social Order (Ministry of Public Security)				
10.4	Nguyễn Văn Thêm			CCCD số 079052005146 cấp ngày 19/4/2021, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 079052005146, issued on 19 April 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	358 Tỉnh lộ 8, Khu phố 4, xã Tân An Hội, TPHCM No. 358, Provincial Road 8, Quarter 4, Tan An Hoi Commune, Ho Chi Minh City Number of shares: 0	0,000	0,00%	Anh rể (Chồng của Bà Yến) Brother-in- law (husband of Ms. Tran Thi Kim Yen)
10.5	Trần Ngọc Dũng			CCCD số 079065003274 cấp ngày 22/11/2022, tại	380 Tỉnh lộ 8, KP4, xã Tân An Hội, TPHCM	0,000	0,00%	Anh ruột

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 079065003274, issued on 22 November 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	No. 380, Provincial Road 8, Quarter 4, Tan An Hoi Commune, Ho Chi Minh City			Brothe r
10.6	Trần Ngọc Tuấn			CCCD số 079067020926 cấp ngày 01/5/2021, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 079067020926, issued on 01 May 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public	380 Tỉnh lộ 8, KP4, xã Tân An Hội, TPHCM No. 380, Provincial Road 8, Quarter 4, Tan An Hoi Commune, Ho Chi Minh City	0,000	0,00%	Anh ruột Brothe r

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Security)				
10.7	Lê Thị Hồng Hạnh			CCCD số 079170012996 cấp ngày 17/12/2021, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 079170012996, issued on 17 December 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Tổ 2, Khu phố 4, xã Tân An Hội, TPHCM Residential Group 2, Quarter 4, Tan An Hoi Commune, Ho Chi Minh City	0,000	0,00%	Chị dâu (Vợ của ông Tuân) Sister- in-law (wife of Mr. Tran Ngoc Tuan)
10.8	Trần Thị Kim Loan			CCCD số 072170013454 cấp ngày 12/8/2021, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 072170013454, issued	380 Tỉnh lộ 8, KP4, xã Tân An Hội, TPHCM No. 380, Provincial Road 8, Quarter 4, Tan An Hoi Commune, Ho Chi Minh	0,000	0,00%	Chị ruột Sister



STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				on 12 August 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	City			
10.9	Phạm Tấn Tước			Đã mất/ Deceased		0,000	0,00%	Anh rể (Chồng của Bà Loan) Brother-in- law (husband of Ms. Tran Thi Kim

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								Loan)
10.10	Trần Thị Kim Phượng (Miami Mari)			Hộ chiếu số: TK6729995 cấp ngày 22/3/2012 tại Japan Passport No.: TK6729995, issued on 22 March 2012 by Japan	Thành phố Gifu, Nhật Bản Gifu City, Japan	0,000	0,00%	Chị ruột (định cư Nhật Bản) Sister (resident in Japan)
10.11	Minami Toru			Hộ chiếu số: TR6648370 cấp ngày 15/9/2016 tại Japan Passport No.: TR6648370, issued on 15 September 2016 by Japan	Thành phố Gifu, Nhật Bản Gifu City, Japan	0,000	0,00%	Anh rể (Chồng của Bà Phượng) Brother-in- law

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								(husband of Ms. Tran Thi Kim Phuong)
10.12	Trần Thị Kim Liên			Hộ chiếu số: GB489820 cấp ngày 25/3/2014 tại Calgary Passport No.: GB489820, issued on 25 March 2014 by Calgary	Thành phố Calgary, Canada Calgary City, Canada	0,000	0,00%	Chị ruột (định cư Canada) Sister (resident in Canada)

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
10.13	Nguyễn Đăng Ngân			Hộ chiếu số: GB489948 cấp ngày 26/3/2014 tại Calgary Passport No.: GB489948, issued on 26 March 2014 by Calgary	Thành phố Calgary, Canada Calgary City, Canada	0,000	0,00%	Anh rể (Chồng của Bà Liên) Brother-in- law (husband of Ms. Tran Thi Kim Lien)
10.14	Trần Thị Kim Thanh			CCCD số 079179019757 cấp ngày 22/12/2021, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 079179019757, issued	Tổ 2, Khu phố 4, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TPHCM Residential Group 2, Quarter 4, Tan An Hoi Commune, Cu Chi District,	0,000	0,00%	Chị ruột Sister

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				on 22 December 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Ho Chi Minh City			
10.15	Nguyễn Công Khoáng			CCCD số 079076027534 cấp ngày 03/6/2021, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 079076027534, issued on 03 June 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	865 Tỉnh lộ 7, Lô 6 An Nhơn Tây, Huyện Củ Chi, TPHCM No. 865, Provincial Road 7, Lot 6, An Nhon Tay Commune, Cu Chi District, Ho Chi Minh City	0,000	0,00%	Anh rể (Chồng của Bà Thanh) No. 865, Provin cial Road 7, Lot 6, An Nhon Tay Comm

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
								une, Cu Chi District, Ho Chi Minh City
11	Phạm Linh	020C1006 68	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 11/01/2025 Deputy General Director (until 11 January 2025)	CCCD số 001074038348 cấp ngày 12/08/2021 tại Cục CS QL Hành chính về TTXH Citizen Identification Card No.: 001074038348, issued on 12 August 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	152/49 đường 30/4, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh No. 152/49, 30/4 Street, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City	0,000	0,00%	

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
11.1	Phạm Tòa			CCCD số 036041001365 cấp ngày 01/5/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 036041001365, issued on 01 May 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	Số 2 lô A3 cư xá 307, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP HCM <i>Lot A3, No. 2, 307 Apartment Complex, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City</i>	0,000	0,00%	Cha <i>Father</i>
11.2	Phan Thị Hồng			CCCD số 086151000830 cấp ngày 01/5/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 086151000830, issued on 01 May 2021 by the Department of Administrative Management of Social</i>	Số 2 lô A3 cư xá 307, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP HCM <i>Lot A3, No. 2, 307 Apartment Complex, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City</i>	0,000	0,00%	Mẹ <i>Mother</i>

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Order (Ministry of Public Security)				
11.3	Lê Thị Kim Loan	020C1006 48		CCCD số 075172009539 cấp ngày 12/8/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 075172009539, issued on 12 August 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)</i>	152/49 đường 30/4, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh <i>No. 152/49, 30/4 Street, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City</i>	0,000	0,00%	Vợ Wife
11.4	Phạm Hồng Thủy	077C0860 38		CCCD số 079185037379 cấp ngày 21/11/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH <i>Citizen Identification Card No.: 079185037379, issued on 21 November 2021 by</i>	Số 2 lô A3 cư xá 307, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP HCM <i>Lot A3, No. 2, 307 Apartment Complex, Thanh My Tay Ward, Ho Chi</i>	0,000	0,00%	Em ruột Young er sister

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Minh City			
11.5	Phạm Lê Anh Thư			CCCD số 079301027998 cấp ngày 25/12/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 079301027998, issued on 25 December 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	152/49 đường 30/4, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh No. 152/49, 30/4 Street, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City	0,000	0,00%	Con Daughter
11.6	Phạm Nguyên Chương			Còn nhỏ/ Minor	152/49 đường 30/4, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh	0,000	0,00%	Con Son

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
					No. 152/49, 30/4 Street, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City			
11.7	Lê Hứa			Đã mất /Deceased		0,000	0,00%	Bố vợ Father -in-law
11.8	Trần Thị Viên			CCCD số 045141004019 cấp ngày 12/8/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 045141004019, issued on 12 August 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Tổ 31 KP Trần Cao Vân, xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai Residential Group 31, Tran Cao Van Quarter, Dau Giay Commune, Dong Nai Province	0,000	0,00%	Mẹ vợ Mother -in-law
11.9	Vũ Minh Thành			CCCD số 035080010232 cấp ngày 10/7/2021 tại Cục	15A/36 Lê Thánh Tôn phường Sài Gòn TPHCM.	0,000	0,00%	Em rể (chồng)

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 035080010232, issued on 10 July 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	No. 15A/36 Le Thanh Ton Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City			bà Thùy) Brothe r-in- law (husba nd of Ms. Pham Hong Thuy)
11.10	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương Hung Vuong Insurance Joint Stock Corporation			ĐKKD số 50GP/KDBH cấp ngày 19/5/2008 tại Bộ Tài chính License No.: 50GP/KDBH, issued on 19 May 2008 by the Ministry of Finance	Tầng 5, Tòa nhà Samsora Premier, 105 Chu Văn An, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội 5th Floor, Samsora Premier Building, No. 105 Chu Van An Street, Ha Dong Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Thành viên HĐQT Membe r of the Board of Direct ors

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
12	Bùi Xuân Dũng		Phó Tổng giám đốc Deputy General Director	CCCD số 001076058388 cấp ngày 23/12/2022 tại Cục CSQLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 001076058388, issued on 23 December 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	P1809, HEITower, số 1 Nguy Như Kon Tum, phường Thanh Xuân, Hà Nội Apartment P1809, HEI Tower, No. 1 Nguy Nhu Kon Tum Street, Thanh Xuan Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	
12.1	Vũ Khánh Ly			CCCD số 001090001028 cấp ngày 07/3/2023 tại Cục CSQLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 001090001028, issued on 07 March 2023 by the Department of Administrative	P1809, HEITower, số 1 Nguy Như Kon Tum, phường Thanh Xuân, Hà Nội Apartment P1809, HEI Tower, No. 1 Nguy Nhu Kon Tum Street, Thanh Xuan Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Vợ Wife

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Management of Social Order (Ministry of Public Security)				
12.2	Bùi Xuân Tám			CCCD số 042035003308 cấp ngày 09/7/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 042035003308, issued on 09 July 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	P300A, C3, 34A phường Ba Đình, Hà Nội Apartment P300A, Building C3, No. 34A (Tran Phu / Ba Dinh area), Hanoi City	0,000	0,00%	Bố đẻ Biologi cal father
12.3	Ngô Nguyệt Nga			CCCD số 027146004315 cấp ngày 19/8/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH Citizen Identification Card	Số 15/612/2 Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, Hà Nội No. 15/612/2 Lac Long	0,000	0,00%	Mẹ đẻ Biologi cal mother

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				No.: 027146004315, issued on 19 August 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Quan Street, Tay Ho Ward, Hanoi City			
12.4	Vũ Đình Tiến			Đã mất/ Deceased		0,000	0,00%	Bố vợ Father -in-law
12.5	Hoàng Thị Chính			CCCD số 001159014875 cấp ngày 18/4/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 001159014875, issued on 18 April 2021 by the Department of Administrative Management of Social	P707,17T1, Hoàng Đạo Thúy, phường Yên Hòa, Hà Nội Apartment P707, Building 17T1, Hoang Dao Thuy Street, Yen Hoa Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Mẹ vợ Mother -in-law

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Order (Ministry of Public Security)				
12.6	Bùi Thục Anh			CCCD số 001174043564 cấp ngày 17/11/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 001174043564, issued on 17 November 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	P703, M3M4, Nguyễn Chí Thanh, phường Giảng Võ, Hà Nội Apartment P703, Building M3-M4, Nguyen Chi Thanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Chị gái Sister
12.7	Bùi Thị Tuyết Minh			CCCD số 042170003621 cấp ngày 25/4/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 042170003621, issued on 25 April 2021 by the	Tổ 4 Khuong Trung, phường Khuong Đình, Hà Nội Residential Group 4, Khuong Trung Ward, Khuong Dinh District,	0,000	0,00%	Chị gái Sister

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Hanoi City			
12.8	Bùi Xuân Toàn			CCCD số 001095039373 cấp ngày 10/7/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 001095039373, issued on 10 July 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	P300A, C3, 34A Trần Phú, phường Ba Đình, Hà Nội Apartment P300A, Building C3, No. 34A Tran Phu Street, Ba Dinh Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Em trai Younger brother
12.9	Mai Nam Thắng			CCCD số 044058000839 cấp ngày 16/9/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH	Tổ 4 Khương Trung, phường Khương Đình, Hà Nội	0,000	0,00%	Anh rể Brother-in-

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Citizen Identification Card No.: 044058000839, issued on 16 September 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Residential Group 4, Khuong Trung Ward, Khuong Dinh District, Hanoi City			law
12.10	Nguyễn Hải Đăng			CCCD số 001070013711 cấp ngày 22/11/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 001070013711, issued on 22 November 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	P703, M3M4, Nguyễn Chí Thanh, phường Giảng Võ, Hà Nội Apartment P703, Building M3-M4, Nguyen Chi Thanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Anh rể Brother-in- law

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
12.11	Bùi Yến Chi			CCCD số 001198004847 cấp ngày 27/12/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 001198004847, issued on 27 December 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	P1809, HEITower, số 1 Nguy Như Kon Tum, phường Thanh Xuân, Hà Nội Apartment P1809, HEI Tower, No. 1 Nguy Nhu Kon Tum Street, Thanh Xuan Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Con gái Daught er
12.12	Bùi Yến Trang			CCCD số 001301002169 cấp ngày 24/10/2022 tại Cục CSQLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 001301002169, issued on 24 October 2022 by the Department of Administrative Management of Social	P1809, HEITower, số 1 Nguy Như Kon Tum, phường Thanh Xuân, Hà Nội Apartment P1809, HEI Tower, No. 1 Nguy Nhu Kon Tum Street, Thanh Xuan Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Con gái Daught er

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Order (Ministry of Public Security)				
12.13	Bùi Yến Bảo Trân			Còn nhỏ/ minor	P1809, HEITower, số 1 Nguy Như Kon Tum, phường Thanh Xuân, Hà Nội Apartment P1809, HEI Tower, No. 1 Nguy Nhu Kon Tum Street, Thanh Xuan Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Con gái Daught er
13	Nguyễn Thành Công	026C2064 71	Kế toán trưởng, PGĐ phụ trách KTC Chief Accountant, Deputy General Director in	CCCD số 022083010774 cấp ngày 14/6/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 022083010774, issued on 14 June 2022 by the Department of Administrative Management of Social	Chung cư Mỹ Đình Plaza, 138 Trần Bình, Phường Mỹ Đình 2, Thành phố Hà Nội My Dinh Plaza Apartment Building, No. 138 Tran Binh Street, My Dinh 2 Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
			charge of Accounting & Finance	Order (Ministry of Public Security)				
13.1	Nguyễn Thiện Để			CCCD số 033052001735 cấp ngày 18/6/2019 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 033052001735, issued on 18 June 2019 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Số 99 Tổ DP Số 2 đường Xuân Phương, Phường Phương Canh, Thành phố Hà Nội No. 99, Residential Group No. 2, Xuan Phuong Street, Phuong Canh Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Bố Father
13.2	Lưu Thị Trang			CCCD số 033155002224 cấp ngày 18/6/2019 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 033155002224, issued	Số 99 Tổ DP Số 2 đường Xuân Phương, Phường Phương Canh, Thành phố Hà Nội No. 99, Residential Group	0,000	0,00%	Mẹ Mother

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				on 18 June 2019 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	No. 2, Xuan Phuong Street, Phuong Canh Ward, Hanoi City			
13.3	Nguyễn Thị Thanh Vân			CCCD số 033185016429 cấp ngày 25/7/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 033185016429, issued on 25 July 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Chung cư Mỹ Đình Plaza, 138 Trần Bình, Phường Mỹ Đình 2, Thành phố Hà Nội My Dinh Plaza Apartment Building, No. 138 Tran Binh Street, My Dinh 2 Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Vợ Wife
13.4	Nguyễn Hải Phong			Còn nhỏ/Minor	Chung cư Mỹ Đình Plaza, 138 Trần Bình, Phường Mỹ	0,000	0,00%	Con Son

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentage at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
					Đình 2, Thành phố Hà Nội My Dinh Plaza Apartment Building, No. 138 Tran Binh Street, My Dinh 2 Ward, Hanoi City			
13.5	Nguyễn Quỳnh Chi			Còn nhỏ/Minor	Chung cư Mỹ Đình Plaza, 138 Trần Bình, Phường Mỹ Đình 2, Thành phố Hà Nội My Dinh Plaza Apartment Building, No. 138 Tran Binh Street, My Dinh 2 Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Con Daughter
13.6	Nguyễn Thị Phương Nhưng			CCCD số 022187007379 cấp ngày 30/3/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 022187007379, issued on 30 March 2021 by the Department of	Tòa OCT2 Xuân Phương Viglacera, phường Xuân Phường, HN OCT2 Building, Xuan Phuong Viglacera Urban Area, Xuan Phuong Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Em gái Younger sister

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)				
13.7	Nguyễn Thế Vĩnh			CCCD số 033087009988 cấp ngày 17/6/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 033087009988, issued on 17 June 2022 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Tòa OCT2 Xuân Phương Viglacera, phường Xuân Phương, HN OCT2 Building, Xuan Phuong Viglacera Urban Area, Xuan Phuong Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Em rể Brother-in- law
13.8	Nguyễn Viết Cẩn			CCCD số 031059006945 cấp ngày 15/4/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card	671 Hoàng Hoa Thám, Phường Bưởi, Thành phố Hà Nội No. 671 Hoang Hoa Tham	0,000	0,00%	Bố vợ Father -in-law

STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại VAB (nếu có)/ Position at VAB (if any)	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp/ ID Card/Passport No./ Date of Issue/ Place of Issue	Địa chỉ liên hệ/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Shares Owned at End of Period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)/ Sharehold ing Percentag e at End of Period (%)	Ghi chú/ Notes
				No.: 031059006945, issued on 15 April 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	Street, Buoì Ward, Hanoi City			
13.9	Nguyễn Thanh Lan			CCCD số 037160003245 cấp ngày 15/4/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH Citizen Identification Card No.: 037160003245, issued on 15 April 2021 by the Department of Administrative Management of Social Order (Ministry of Public Security)	671 Hoàng Hoa Thám, Phường Bưởi, Thành phố Hà Nội No. 671 Hoang Hoa Tham Street, Buoì Ward, Hanoi City	0,000	0,00%	Mẹ vợ Mother- in-law